

Số: 459...../BC-ĐHNHT

Khánh Hòa, ngày 22 tháng 8 năm 2011

## BÁO CÁO

Kết quả lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên trong năm học 2010 - 2011

**KÍNH GỬI:** Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục – Bộ GD&ĐT

Thực hiện Công văn số 6340 /BGDĐT-NGCBQLGD của Bộ GD&ĐT ngày 19 tháng 5 năm 2011 về việc báo cáo kết quả lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên trong năm học 2010-2011, Trường Đại học Nha Trang xin báo cáo như sau:

1. Hoạt động lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên đã được Trường ĐH Nha Trang tổ chức đều đặn kể từ năm học 2005-2006 và bao gồm hai nội dung sau:
  - a. Lấy ý kiến phản hồi của người học về chất lượng giảng dạy của mỗi môn học: thực hiện hàng năm.
  - b. Lấy ý kiến của SV năm cuối về chất lượng của khóa học (trong đó có nội dung về hoạt động giảng dạy của GV): thực hiện hai năm một lần.
2. Trong năm học 2010-2011, Nhà trường tập trung hoàn thiện nội dung của các mẫu phiếu khảo sát và qui trình thực hiện nên chỉ tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các lớp cao học.

Trân trọng.

**Nơi nhận:**

- Như kg;
- Lưu VT, ĐBCL.

KT HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
TRƯỜNG  
ĐẠI HỌC  
NHA TRANG  
\* Đỗ Văn Ninh

Số: 45...../CV-ĐHNT

Nha Trang, ngày 26 tháng 01 năm 2011

V/v: Báo cáo sơ kết 1 năm thực hiện Chỉ thị 296/CT-TTg

### **Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Thực hiện công văn số 70/BGDĐT-GDDH ngày 06 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc Báo cáo sơ kết một năm thực hiện Chỉ thị số 296/CT-TTg ngày 27 tháng 2 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ và Chương trình hành động của Bộ GD&ĐT về đổi mới quản lý giáo dục đại học giai đoạn 2010-2012, Trường Đại học Nha Trang báo cáo các nội dung hoạt động của Nhà trường và các đề xuất, kiến nghị có liên quan như sau:

#### **1. Tổ chức quán triệt các văn bản của cấp trên:**

Từ ngày 01/4/2010 đến 10/4/2010, tất cả các đơn vị trong trường đã tổ chức họp đơn vị để quán triệt các văn bản sau:

- Nghị quyết 05-NQ/BCSD ngày 6/1/2010 của Ban cán sự Đảng Bộ GD&ĐT về đổi mới quản lý GD ĐH giai đoạn 2010-2012.
- Quyết định số 179/QĐ-BGDĐT ngày 11/1/2010 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.
- Công văn số 1242/BGDĐT-VP ngày 12/3/2010 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT

#### **2. Xây dựng Ban chỉ đạo đổi mới quản lý cấp Trường:**

Nhằm tổ chức xây dựng Chương trình hành động đổi mới quản lý của Nhà trường và chỉ đạo công tác triển khai, ngày 23/3/2010 Trường đã thành lập Ban chỉ đạo gồm 10 người, do một Phó hiệu trưởng làm Trưởng ban (xem Phụ lục 1). Ban chỉ đạo đã tổ chức xây dựng Chương trình hành động cấp Trường và phân công theo dõi việc triển khai ở các đơn vị.

#### **3. Tổ chức xây dựng chương trình hành động của Nhà trường, của mỗi đơn vị:**

- Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Nhà trường đã xây dựng Chương trình hành động đổi mới quản lý giai đoạn 2010-2012 (Phụ lục 2, có thể xem tại trang web:  
<http://www.ntu.edu.vn/default.aspx?cmd=newspub&cmdid=newspub-detail&idnew=2875>)
- Trên cơ sở Chương trình hành động đổi mới quản lý của trường, mỗi đơn vị đã xây dựng chương trình hành động riêng phù hợp với chức năng của mỗi đơn vị

#### **4. Tổ chức đăng ký thực hiện chương trình hành động đối với mỗi CBGD:**

Trên cơ sở chương trình hành động của đơn vị và của trường, mỗi CBGD đã đăng ký kế hoạch thực hiện trong đó tập trung chủ yếu vào hoạt động đổi mới phương pháp giảng dạy – đánh giá và tăng cường hoạt động nghiên cứu khoa học.

#### **5. Tổ chức hội nghị đổi mới công tác quản lý:**

Nhằm cụ thể hóa Chương trình hành động đổi mới quản lý của trường và các đơn vị, ngày 07/5/2010 Nhà trường đã tổ chức “**Hội nghị triển khai thực hiện Chỉ thị số**

## **296/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Chương trình hành động của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đổi mới quản lý giáo dục đại học giai đoạn 2010 – 2012”**

(Ký yếu Hội nghị được đăng tải tại trang web:

[http://www.ntu.edu.vn/phongban/chatluongdt/default.aspx?file=privateres/phongban/chatluongdt/file/dien\\_dan\\_doi\\_moi\\_phuong\\_phap\\_giang\\_day-danh\\_gia\\_va\\_quan\\_ly/quan\\_ly\\_giao\\_duc\\_dai\\_hoc.htm.aspx](http://www.ntu.edu.vn/phongban/chatluongdt/default.aspx?file=privateres/phongban/chatluongdt/file/dien_dan_doi_moi_phuong_phap_giang_day-danh_gia_va_quan_ly/quan_ly_giao_duc_dai_hoc.htm.aspx) )

### **6. Những việc cụ thể đã làm được:**

- Tổ chức rà soát, cập nhật kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường đến năm 2020.
- Nâng cấp và hoàn thiện website của mỗi đơn vị, công bố đầy đủ các thông tin cần thiết về nhà trường/đơn vị/bộ môn (tiếng Việt và tiếng Anh) nhằm đáp ứng yêu cầu thông tin trong và ngoài trường.
- Hoàn thiện hệ thống văn bản của Trường về đào tạo theo hệ thống tín chỉ và công bố trên website.
- Tổ chức xây dựng và công bố hệ thống chuẩn đầu ra của tất cả các chương trình giáo dục bậc đại học (xem tại trang web: <http://www.ntu.edu.vn/donvi/chuandaura/default.aspx>)
- Rà soát biên chế và chức năng nhiệm vụ của bộ máy quản lý từ trường đến đơn vị.
- Hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa Đảng, chính quyền và các đoàn thể ở tất cả các cấp quản lý.
- Hoàn thiện hệ thống tiêu chí và qui trình đánh giá thi đua. Xây dựng những qui định cụ thể để làm cơ sở qui đổi các hoạt động chuyên môn của GV.
- Phân công cụ thể và triển khai thực hiện các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường đại học.
- Thường xuyên tổ chức công tác kiểm tra hành chính việc chấp hành các qui định chung của nhà trường nhằm duy trì kỷ cương trong mọi hoạt động.
- Đẩy mạnh đổi mới hoạt động dạy học: vào đầu năm học mỗi GV đăng ký đổi mới phương pháp giảng dạy; bộ môn và khoa tổ chức đánh giá, tổng kết vào cuối năm học. Mỗi khoa tổ chức ít nhất 01 hội thảo về hoạt động đổi mới phương pháp giảng dạy trong năm học.
- Định kỳ tổ chức lấy ý kiến SV về giảng dạy của GV, về khóa học.
- Hoàn thiện hệ thống văn bản về hoạt động nghiên cứu khoa học và công bố trên website. Tổ chức phân cấp cho các khoa trong công tác xét duyệt, quản lý các đề tài NCKH cấp trường.

### **7. Tổ chức sơ kết 01 năm thực hiện Chương trình hành động:**

Công tác sơ kết Chương trình hành động đổi mới quản lý được Nhà trường tổ chức theo 2 cấp:

- Cấp đơn vị: căn cứ Chương trình hành động của đơn vị và Nhà trường, mỗi đơn vị đã tiến hành sơ kết 01 năm thực hiện và đã gửi báo cáo về Ban chỉ đạo cấp Trường.

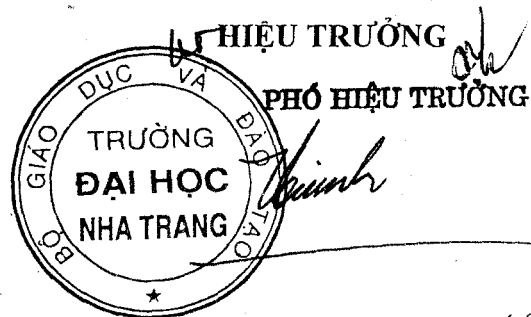
- Cấp trường: Nhà trường sẽ tổ chức sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện của mỗi đơn vị vào trung tuần tháng 2/2011

### **8. Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động trong năm 2011:**

- Tiếp tục triển khai các hoạt động đã được xây dựng trong Chương trình hành động của Trường
- Sau mỗi học kỳ, từng đơn vị tự đánh giá kết quả thực hiện, Ban chỉ đạo cấp Trường tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình hành động của Trường, đúc rút và phổ biến những kinh nghiệm tốt, chấn chỉnh những sai phạm và đề xuất khen thưởng, phê bình

### **9. Đề xuất, kiến nghị của Nhà trường:**

- Đổi mới công tác quản lý đại học là việc cần làm thường xuyên, vì vậy rất mong Bộ GD&ĐT tiếp tục xây dựng kế hoạch đổi mới quản lý hệ thống đại học theo hướng bền vững, lâu dài.
- Bộ GD&ĐT nên định kỳ tổ chức các hội nghị chuyên đề về quản lý đại học trong đó có giới thiệu các mô hình quản lý đại học tiên tiến của thế giới, các kinh nghiệm hay của các trường đại học trong nước để các trường nghiên cứu vận dụng.



*Lê Văn Ninh*

Số: 157/ĐHNT-KHCN&HTQT  
V/v báo cáo hoạt động KH&CN năm 2010

Nha Trang, ngày 06 tháng 4 năm 2011

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện công văn số 1773/BGDĐT-KHCNMT ngày 01/4/2011 của Bộ GD&ĐT v/v kiểm tra hoạt động KH&CN, Trường ĐHNT xin báo cáo tình hình hoạt động KHCN năm 2010, kế hoạch KHCN năm 2011,2012 và định hướng trong những năm tiếp theo như sau:

## **I. Tình hình thực hiện kế hoạch KHCN năm 2010**

### **1. Tình hình thực hiện đề tài, dự án cấp Nhà nước:**

Năm 2010, Trường ĐHNT tiếp tục thực hiện 01 đề tài cấp Nhà nước và 01 Dự án SXTN cấp Nhà nước, các chủ nhiệm đề tài/dự án đã khắc phục khó khăn do điều kiện tự nhiên và tình hình lạm phát để hoàn thành mục tiêu đã đặt ra (Phụ lục 1).

- *Một số kết quả chính đạt được của đề tài KC.06.23/06-10: Nghiên cứu nhu cầu dinh dưỡng, công thức và công nghệ sản xuất thức ăn công nghiệp nuôi tôm Hùm Bông (P. ornatus) và tôm Hùm Xanh (P. homarus)*

+ Công thức thức ăn cho tôm Hùm Bông giai đoạn giống 10-40 g/con và Công thức thức ăn cho tôm Hùm Bông giai đoạn thương phẩm 300 g/con.

+ Công thức thức ăn cho tôm Hùm Xanh giai đoạn giống 10-30 g/con và Công thức thức ăn cho tôm Hùm Xanh giai đoạn thương phẩm 200 g/con.

+ Quy trình công nghệ sản xuất thức ăn công nghiệp nuôi tôm Hùm Bông.

+ Quy trình công nghệ sản xuất thức ăn công nghiệp nuôi tôm hùm Xanh.

+ Góp phần đào tạo 3 thạc sĩ ngành nuôi trồng thủy sản.

Đề tài đã xây dựng được quy trình công nghệ sản xuất thức ăn công nghiệp nuôi tôm Hùm hệ số thức ăn từ 3 – 3,5, giá thành thức ăn được thị trường chấp nhận, góp phần phát triển nghề ương và nuôi tôm Hùm bền vững, phụ vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Đề tài đã được Hội đồng đánh giá nghiệm của Bộ KHCN thu xếp loại Khá và đề nghị Bộ KHCN chuyển sang thực hiện Dự án SXTN trong năm 2011.

- *Một số kết quả chính đạt được của đề tài KC07.DA04/06-10: Hoàn thiện công nghệ chế tạo và qui trình sử dụng hệ thống đồng bộ các thiết bị kỹ thuật phục vụ nuôi tôm thương phẩm thâm canh qui mô trang trại*

+ Quy trình công nghệ chế tạo và sử dụng 07 thiết bị (Bơm tuần hoàn chuyên dụng; Thiết bị xử lý nước cấp; Thiết bị điều chỉnh môi trường ao nuôi tôm; Thiết bị cho tôm ăn; Thiết bị thu hoạch và di chuyển tôm sống; Thiết bị lọc-tách chất thải đặc trong ao nuôi tôm; Thiết bị lọc sinh học nước thải).

+ Bản vẽ thiết kế mô hình nuôi tôm thâm canh mật độ trung bình và mật độ cao.

+ Góp phần đào tạo 01 thạc sĩ ngành cơ khí thủy sản.

Hệ thống đồng bộ các thiết bị kỹ thuật - sản phẩm của Dự án - sẽ giúp ngư dân thực hiện tốt quy trình công nghệ nuôi tôm thâm canh với chi phí lao động và thời gian thấp nhất, góp phần phát triển bền vững nghề nuôi tôm nói riêng và kinh tế xã hội vùng nông thôn nói chung. Việc áp dụng hệ thống đồng bộ các thiết bị kỹ thuật do Dự án tạo ra sẽ giúp xử lý tốt từ gốc nguồn thải do nuôi tôm sinh ra góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường khu vực nuôi tôm và bảo vệ môi trường sinh thái vùng ven biển.

Dự án đã được Hội đồng đánh giá nghiệm thu của Bộ KHCN xếp loại Khá.

## 2. Tình hình thực hiện đề tài, dự án cấp Bộ:

Trường triển khai thực hiện 24 đề tài cấp Bộ (11 đề tài và 01 dự án chuyển tiếp từ năm 2009 và 11 đề tài và 01 dự án đăng ký mới năm). Mặc dù một số đề tài gặp khó khăn do điều kiện thời tiết và tình hình lạm phát kinh tế trong nước, song các chủ nhiệm đề tài đã khắc phục khó khăn để triển khai đề tài đảm bảo mục tiêu, tiến độ và sản phẩm của đề tài. Một số đề tài đã hoàn thiện và viết báo cáo tổng kết đề tài, một số đề tài đã có kết quả đăng và gửi đăng ở Tạp chí khoa học các trường đại học và các Tạp chí chuyên ngành (Phụ lục 2).

## 3. Tình hình thực hiện đề tài cấp cơ sở (Trường)

Trong năm 2010, Nhà trường đã triển khai 15 đề tài cấp cơ sở (với kinh phí là 577,3 triệu đồng), nhìn chung các đề tài tập trung vào giải quyết các nhiệm vụ phục vụ trực tiếp nhiệm vụ chính trị của trường.

## 4. Hoạt động KHCN khác

### 4.1. Công tác chuyển giao công nghệ (CGCN) và hoạt động dịch vụ KHCN

STT	Tên công nghệ được chuyển giao	Đơn vị chuyển giao	Cơ sở, địa phương nhận chuyển giao	Kinh phí (tr.đ)
1	Thí nghiệm cơ lý thép (Hợp đồng nguyên tắc)	Viện NCCTTT	Công ty cổ phần xây lắp 1 - Petrolimex	87,230
2	Thí nghiệm cơ lý thép	Viện NCCTTT	Công ty TNHH MIBOO VINA	16,896
3	Thí nghiệm cơ lý hóa bu lông	Viện NCCTTT	Công ty cổ phần thương mại và tư vấn Tân Cơ	30,140

### 4.2. Công tác NCKH của sinh viên

Nhà trường thường xuyên quan tâm và chỉ đạo công tác NCKH của sinh viên. Cụ thể:

- Có kế hoạch chỉ đạo việc triển khai cho sinh viên NCKH theo từng chuyên ngành khác nhau.

- Đã tổ chức Hội nghị Sinh viên NCKH năm học 2009-2010 và tuyển chọn công trình có kết quả tốt tham dự giải thưởng “Sinh viên nghiên cứu khoa học năm 2010” do Bộ GD&ĐT tổ chức.

- Bên cạnh việc xuất bản Kỷ yếu hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học, các khoa chuyên ngành đã kết hợp cùng với Đoàn thanh niên và Hội sinh viên xuất bản tập san (ra hàng quý) theo từng chuyên ngành đào tạo.

Trong năm 2010, Nhà trường đã triển khai 08 đề tài NCKH của sinh (với kinh phí là 60,0 triệu đồng), các đề tài triển khai bám sát vào định hướng NCKH của Khoa và của Trường.

### 4.3. Công tác thông tin KHCN

#### 4.3.1. Hội nghị, hội thảo, tập huấn do Trường tổ chức

Đã phối hợp với Cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản tổ chức tại Trường Hội nghị quốc gia về “Tăng cường quản lý năng lực khai thác ở Việt Nam” với 100 đại biểu tham dự là các chuyên gia trong và ngoài nước về khai thác và quản lý nguồn lợi thủy sản đến từ các tổ chức và các nước (FAO, SEAFDEC, Worldfish, WCPFC, Thailand, Malaysia, Philippines, Cambodia, Italy, Danish, Srilanka). Nhà trường đã tổ chức 25 buổi Hội nghị/Hội thảo cấp Trường về các lĩnh vực liên quan đến nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH của các đơn vị trong Trường và tổ chức 01 buổi tập huấn về Phương pháp giảng dạy và NCKH cho 80 cán bộ giảng dạy trẻ.

STT	Loại hình tổ chức	Số lượng	Ghi chú
1	Hội nghị, hội thảo quốc tế	0	
2	Hội nghị, hội thảo quốc gia	01	

3	Hội nghị, hội thảo cấp Trường	25	
4	Tập huấn	01	

#### 4.3.2. Các xuất bản phẩm được xuất bản

Nhà trường đã xuất bản 3 số Tạp chí Khoa học công nghệ, 25 kỷ yếu Hội thảo, và 20 các ấn phẩm tài liệu khoa học khác. Công tác xét duyệt và đăng bài trên Tạp chí của Trường được thực hiện chặt chẽ, các bài báo đăng trên các tạp chí của Trường được Hội đồng chức danh giáo sư chấp nhận đưa vào tính điểm công trình khi xét phong các chức danh Phó giáo sư, Giáo sư hàng năm.

STT	Tên ấn phẩm	Số lượng	Ghi chú
1	Tạp chí KHCVN TS của Trường	240 cuốn	03 số
2	Kỷ yếu hội nghị, hội thảo	25 cuốn	
3	Tài liệu khoa học khác	20 cuốn	

#### 4.3.3. Các bài báo khoa học được công bố

STT	Loại hình (phương tiện) công bố	Số lượng	Ghi chú
1	Tạp chí trong nước	100 bài	
2	Tạp chí nước ngoài	20 bài	
3	Kỷ yếu	38 bài	

#### 4.4. Hoạt động HTQT về KHCVN

Nhà trường tiếp tục củng cố và phát triển hợp tác về đào tạo, khoa học công nghệ với các trường đại học Na Uy để thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao sang giảng dạy và nguồn kinh phí cho hoạt động nghiên cứu khoa học của Trường. Trong năm 2010 Dự án SRV2701- Chính phủ Na Uy hỗ trợ kinh phí triển khai 06 đề tài về lĩnh vực kinh tế, khai thác thủy sản, chế biến thủy sản và nuôi trồng thủy sản.

Nội dung	Số lượng	Kinh phí (tr.đ)	Ghi chú
1. Đề tài, dự án	06	1.912	
2. Đoàn ra	-	-	38 người
3. Đoàn vào	60	-	407 lượt người
4. Cán bộ được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn ở nước ngoài	59	-	- 07 đào tạo trình độ thạc sĩ; 07 đào tạo trình độ tiến sĩ. - 35 người đi tập huấn, bồi dưỡng các khoá học ngắn hạn về chuyên môn nghiệp vụ

#### 4.5. Hoạt động SHTT

- Ban hành Quyết định số 556/QĐ-ĐHNT-KHCVN&HTQT ngày 26/5/2010 v/v ban hành quy định về quản lý hoạt động SHTT trong Trường ĐHNT.

- Được cục SHTT cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu biểu tượng (logo) của Trường Đại học Nha Trang (NTU).

- Làm thủ tục đăng ký giải pháp hữu ích: Thiết bị điều chỉnh môi trường ao nuôi tôm, Thiết bị lọc - tách chất thải rắn, Thiết bị cho tôm ăn thức ăn công nghiệp (kết quả của dự án sản xuất thử nghiệm cấp Nhà nước KC07.DA04/06-10).

#### 4.6. Tham gia chợ công nghệ

Tiến hành xây dựng Web techmark để giới thiệu các kết quả nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

#### 4.7. Dự án tăng cường năng lực nghiên cứu

Năm 2010, Nhà trường được Bộ GDĐT đầu tư 01 dự án “*Tăng cường năng lực nghiên cứu cho phòng thí nghiệm cơ khí đóng tàu cá*”. Sau khi dự án được phê duyệt, Trường đã triển khai thực hiện dự án theo đúng trình tự và quy định của Nhà nước về đấu thầu và cung cấp thiết bị.

Giai đoạn 2006-2010, được sự quan tâm của Bộ GDĐT nhà trường được đầu tư 2 dự án tăng cường năng lực nghiên cứu: *Đầu tư tăng cường trang thiết bị cho trung tâm nghiên cứu chế tạo tàu cá và thiết bị, Tăng cường năng lực nghiên cứu cho phòng thí nghiệm cơ khí đóng tàu cá*. Các trang thiết bị của dự án được đầu tư phục vụ tốt cho hoạt động đào tạo và NCKH của Nhà trường và đáp ứng các mục tiêu của dự án đề ra.

##### \*. Một số hiệu quả chủ yếu mà dự án mang lại:

- *Hiệu quả về nghiên cứu khoa học*: Các thiết bị đầu tư từ dự án phục vụ trực tiếp cho việc triển khai thực hiện 05 đề tài dự án cấp Trường, Bộ và phối hợp với trường đại học Công nghệ quốc gia Hà Nội thực hiện đề tài: *Bending analysis of three-phase polymer composite plates reinforced by glass fibers and titanium oxide particles*; Dinh Duc, N., Minh, D.K.; 2010 (Phân tích uốn tấm composite 3 pha gia cường sợi thủy tinh và hạt Oxuyt Titan). 03 công bố khoa học có sử dụng thiết bị thiết bị nghiên cứu của dự án.

- *Hiệu quả về chuyển giao công nghệ và dịch vụ KHCN*: Nhờ việc kịp thời tăng cường trang thiết bị cho phòng thí nghiệm, đơn vị được đầu tư đã chủ động mở rộng mảng dịch vụ thử nghiệm kiểm tra cơ lý, hóa tính vật liệu, kiểm tra không phá hủy NDT cho các nhà máy đóng tàu và các khu công nghiệp, nhà thầu xây dựng khu vực miền Trung với tổng số tiền dịch vụ KHCN lên tới gần 1,4 tỷ đồng.

- *Hiệu quả về đào tạo*: Góp phần đào tạo 04 học viên cao học, 01 nghiên cứu sinh và 150 – 200 sinh viên/năm thực tập thực tập giáo trình môn cơ học vật liệu, công nghệ đóng và sửa chữa tàu (xem Phụ lục 3).

Với các thiết bị được đầu tư, phòng thí nghiệm của Viện Nghiên cứu chế tạo tàu thủy của Trường được Bộ Xây dựng cấp quyết định số 77/QĐ-BXD công nhận Phòng thí nghiệm của Đơn vị được phép thực hiện các phép thử đáp ứng yêu cầu của Bộ xây dựng, với mã số hành chính là LAS-XD 891 (ngày 03/3/2010). Quyết định này đã mở rộng chức năng hoạt động của các thiết bị được tăng cường, giúp tăng công suất sử dụng, và do đó tăng hiệu quả kinh tế.

#### 5. Tình hình sử dụng kinh phí sự nghiệp KHCN:

Sau khi được Bộ GDĐT phê duyệt kinh phí cấp cho các nhiệm vụ KHCN triển khai trong năm 2010, các phòng chức năng đã thông báo đến các chủ nhiệm đề tài/dự án hoàn tất các thủ tục tạm ứng kinh phí để triển khai các nhiệm vụ được giao. Tính đến 30/12/2010, không có nhiệm vụ nào phải trả lại ngân sách cho nhà nước (xem Phụ lục 4).

#### 6. Rà soát nhiệm vụ KHCN còn tồn đọng và giải pháp xử lý:

Hiện nay Trường còn 21 nhiệm vụ cấp chưa nghiệm thu cấp Bộ (16 nhiệm vụ đã nghiệm thu cấp cơ sở và 5 nhiệm vụ đã ra quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở nhưng hội đồng chưa họp), Nhà trường đã yêu cầu các chủ nhiệm đề tài hoàn chỉnh các thủ tục theo kết luận của hội đồng để nghiệm thu cấp Bộ (xem Phụ lục 5).

#### 7. Thuận lợi, khó khăn trong quá trình thực hiện ĐT, DA

##### a. Thuận lợi

- Đội ngũ cán bộ khoa học và giảng viên có nhiệt tình và năng lực để thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu KHCN.



- Cơ sở vật chất phục vụ NCKH tương đối hiện đại và đồng bộ.
- Được sự quan tâm của Bộ GD&ĐT và lãnh đạo Trường.

#### *b. Khó khăn*

- Đội ngũ giảng viên phải chịu áp lực lớn của nhiệm vụ giảng dạy.
- Kinh phí cấp cho hoạt động KHCN còn hạn hẹp.
- Máy móc, trang thiết bị phục vụ NCKH tuy có hiện đại và đồng bộ nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển KHCN của Nhà trường.
- Thủ tục nhận và thanh, quyết toán kinh phí còn phức tạp.

### **8. Đánh giá chất lượng, hiệu quả của các hoạt động KHCN**

#### *a. Ưu điểm*

- Số lượng đề tài, dự án tương đối nhiều và được phân bố ở 7 lĩnh vực nghiên cứu.
- Chất lượng đề tài, dự án tương đối khá, nhiều đề tài, dự án đã được ứng dụng có hiệu quả vào thực tế sản xuất và giáo dục, đào tạo, góp phần quan trọng khẳng định uy tín của Nhà trường đối với xã hội, tạo nhiều việc làm, thay đổi vật nuôi cây trồng, xóa đói, giảm nghèo cho các địa phương và phát triển bền vững ngành Thủy sản.
- Thông qua việc thực hiện đề tài, dự án, năng lực nghiên cứu của giảng viên và khả năng tự đào tạo của sinh viên được nâng cao.

#### *\*. Một số kết quả nghiên cứu nổi bật:*

##### **- Nhiệm vụ bảo tồn và lưu giữ quỹ gen các loài thủy hải sản:**

- + Mẫu vật, nguồn gen lưu giữ sống 20 mẫu cá ngựa đen, 50 mẫu tôm sú, 200 mẫu ốc cồi cho các thí nghiệm chuyên sâu.
- + Nguồn gen lưu giữ sống cho các thí nghiệm chuyên sâu: 20 mẫu DNA và mô của các loài cá ngựa đen, gai, ba chấm. 50 mẫu DNA và mô của tôm sú.
- + Quy trình bảo quản nguồn vật liệu di truyền (tinh trùng).
- + Quy trình phục hồi tinh trùng cá ngựa đen và tôm sú.
- + Các số liệu khoa học về các tính trạng tối ưu, có ý nghĩa đối với nguồn gen cần bảo tồn.
- + Dẫn liệu khoa học về bảo tồn các tính trạng tối ưu, có ý nghĩa đối với nguồn gen cá ngựa đen, tôm sú cần bảo tồn.
- + Tư liệu mã hoá nguồn gen: Cá ngựa (dữ liệu về trình tự DNA Cyt b rDNA của loài với 51 chuỗi trình tự); Tôm sú (dữ liệu về trình tự DNA của Cyt b rDNA của 65 chuỗi trình tự); Ốc cồi (dữ liệu giải phẫu tuyến độc tố với các thông số đo đặc của 8 loài ốc; đã tư liệu hóa trình tự gen 16S rDNA và đã đăng ký cho ngân hàng gen quốc tế của 11 loài ốc cồi).

Kết quả đạt được của nhiệm vụ góp phần cung cấp nguồn gen sống cho các thí nghiệm chuyên sâu trong ngành sinh học nghề cá nói riêng và ngành sinh học nói chung. Bảo tồn, lưu giữ tiềm năng di truyền các loài thủy sản Việt Nam (cá ngựa đen, tôm sú)

**- Mô hình lồng bẫy (kết quả thực hiện đề tài B2007-13-23-TĐ: Chuyển giao kỹ thuật khai thác bằng lồng bẫy cho ngư dân các xã Bảo Ninh, Quang Phú và Hải Trạch tỉnh Quảng Bình:**

- + 150 lồng bẫy cải tiến.
- + Quy trình công nghệ chế tạo một số kiểu lồng bẫy xếp cải tiến khai thác cua ghe, cá, mực, chình biển.

Mẫu lồng bẫy và quy trình trên vẫn được áp dụng có hiệu quả và tiếp tục chuyển giao cho các tỉnh: Bình Định, Quảng Ngãi, Quảng Bình và Ninh Thuận trong năm 2010.

**- Kỹ thuật sản xuất giống tôm thẻ chân trắng (kết quả thực hiện đề tài B2007-13-26-TĐ: Chuyển giao công nghệ sản xuất giống tôm và mô hình nuôi thâm canh tôm chân trắng (Litopenaeus vannamei) có sử dụng các thiết bị kỹ thuật và chế phẩm sinh học cho tỉnh Quảng Bình):**

- + Quy trình công nghệ sản xuất giống tôm chân trắng.
  - + Quy trình công nghệ nuôi thương phẩm tôm chân trắng thâm canh.
- Các quy trình trên đã được các địa phương: Quảng Bình, Quảng Ngãi, Phú Yên và Khánh Hoà áp dụng có hiệu quả trong năm 2010.
- **Tàu hai thân (catamaran) vỏ composite** (Kết quả của Dự án sản xuất thử nghiệm B2010-13-01DA: Hoàn thiện quy trình công nghệ chế tạo tàu hai thân (catamaran) vỏ composite phục vụ du lịch biển):
  - + Hồ sơ thiết kế kỹ thuật tàu hai thân vỏ composite được Đăng kiểm Việt Nam phê duyệt ký hiệu CAT – 01.
  - + Khuôn tàu hai thân vỏ composite.
  - + Quy trình Thi công tàu hai thân vỏ composite.
  - + 01 Tàu hai thân vỏ composite đã hạ thủy và bàn giao cho khách hàng (Công ty cổ phần du lịch Long Phú) tháng 11/2010.

- Hoạt động thông tin KHCN đã có nhiều khởi sắc với nhiều hình thức và nội dung phong phú. Tạp chí "Khoa học Công nghệ Thủy sản" của Trường ĐHTN đã ra 4 số/năm đảm bảo yêu cầu cơ bản về chất lượng và thẩm mỹ. Trường đã tổ chức nhiều hội thảo cấp quốc gia và quốc tế được các đại biểu trong và ngoài nước đánh giá cao. Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, kết hợp với việc xuất bản các ấn phẩm và phim giới thiệu về Trường, công tác thông tin quảng bá cũng đạt được nhiều kết quả quan trọng. Số lượng bài báo khoa học đăng tải trên các tạp chí trong và ngoài nước tăng đáng kể so với những năm trước.

#### *b. Hạn chế*

- Mặc dù số lượng đề tài, dự án được ứng dụng vào thực tiễn tương đối nhiều nhưng vẫn chưa tương xứng với mức đầu tư và chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và của khu vực nói chung và ngành Thủy sản nói riêng.
- Nhiều đề tài, dự án không thực hiện đúng tiến độ, việc nghiệm thu còn chậm so với kế hoạch. Số lượng đề tài, dự án nghiệm thu đạt kết quả tốt không nhiều.
- Việc đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ chưa được chú trọng đúng mức nên chưa có tài sản trí tuệ nào được cấp văn bằng bảo hộ sở hữu trí tuệ.
- Chưa tạo ra nhiều sản phẩm hoàn chỉnh, có khả năng thương mại và tạo dựng thương hiệu cho Trường.
- Việc tham gia hội chợ, triển lãm chưa được quan tâm đúng mức.
- Số lượng bài báo khoa học đăng trên các tạp chí nước ngoài không nhiều, không ít bài báo có hàm lượng khoa học thấp.
- Một số hội thảo có chất lượng thấp.

## **II. Kế hoạch hoạt động KHCN năm 2011, 2012 và định hướng trong những năm tiếp theo**

### **1. Kế hoạch hoạt động KHCN năm 2011, 2012:**

Kế hoạch hoạt động KHCN năm 2011&2012 được thể hiện trong Phụ lục 6 kèm theo.

### **2. Định hướng phát triển KHCN 2011-2015 và những năm tiếp theo**

Trên cơ sở các chương trình KHCN trọng điểm của Nhà nước và của ngành thủy sản để xây dựng các đề tài, dự án khoa học lớn theo hướng chuyên ngành và liên ngành. Có chính sách thu hút và tạo điều kiện để tập hợp các nhà khoa học trong và ngoài trường tham gia giải quyết các vấn đề đặt ra từ thực tiễn.

Các hướng nghiên cứu được ưu tiên theo từng lĩnh vực chuyên ngành cụ thể như sau:

#### **\* Ngành Nuôi trồng thủy sản:**

- Nghiên cứu công nghệ sản xuất giống thủy đặc sản nước lợ, mặn có giá trị kinh tế cao như cá biển, động vật thân mềm biển, cua biển, tôm hùm...

- Nghiên cứu công nghệ nuôi thương phẩm các hải đặc sản có giá trị kinh tế cao, các mô hình nuôi bền vững phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội ở Việt Nam.

- Nghiên cứu các vấn đề về dinh dưỡng và thức ăn, bệnh và cách phòng trị bệnh, sinh thái và môi trường; công nghệ sinh học, di truyền chọn giống và bảo tồn gen các loài thủy sản quý hiếm.

- Nghiên cứu nguồn lợi và bảo vệ nguồn lợi thủy sản làm cơ sở cho công tác quy hoạch vùng nuôi, khai thác hợp lý nguồn lợi.

- Nghiên cứu về đa dạng sinh học và bảo vệ bền vững môi trường, nguồn lợi thủy sản.

*\* Ngành Chế biến :*

- Nghiên cứu phát triển công nghệ sản xuất sản phẩm mới từ phế liệu thủy sản: chitin, chitozan, chất màu, hương liệu, keo cá, dầu cá, bột đạm thủy phân, màng sinh học....

- Nghiên cứu tách chiết các hoạt chất sinh học từ sinh vật biển và ứng dụng sản xuất sản phẩm kỹ thuật, y dược: Carrageenan, enzyme, caroten, độc chất, hormon...

- Nghiên cứu phát triển công nghệ sản xuất sản phẩm thủy sản có giá trị gia tăng: surimi, sản phẩm mô phỏng, thực phẩm chức năng...

- Nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn, mô hình tổ chức kiểm tra, giám sát, cảnh báo các yếu tố nguy hiểm và độc hại trong nuôi trồng và chế biến thủy sản xuất khẩu.

- Phát triển sản xuất sản phẩm xuất khẩu từ cà phê, trà, ca cao.

*\* Ngành Cơ khí - Kỹ thuật tàu thủy:*

- Nghiên cứu ứng dụng các thành tựu về cơ giới hoá, tự động hoá phục vụ cho công nghệ bảo quản và chế biến, nuôi trồng và khai thác thủy sản, bảo vệ môi trường.

- Nghiên cứu nâng cao hiệu quả khai thác thiết bị năng lượng trên tàu đánh cá.

- Nghiên cứu công nghệ chế tạo tàu thủy và các thiết bị nghề cá bằng vật liệu mới.

- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin vào tính toán, thiết kế các thiết bị cơ khí và ứng dụng CNTT trong đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao.

*\* Ngành Khai thác:*

- Nghiên cứu đảm bảo an toàn sản xuất cho nghề cá biển.

- Nghiên cứu phát triển nghề cá bền vững.

- Ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật, công nghệ mới (GIS, GPS, ...) vào quản lý và tổ chức khai thác thủy sản.

*\* Các ngành Kinh tế - Xã hội:*

- Nghiên cứu giáo dục nhân cách, ý thức chính trị và pháp luật cho học sinh, sinh viên của Nhà trường.

- Nghiên cứu một số vấn đề kinh tế - xã hội cấp thiết như: đổi mới doanh nghiệp, cổ phần hóa doanh nghiệp, nghiên cứu qui hoạch phát triển bền vững ngành thủy sản và hội nhập kinh tế quốc tế.

- Nghiên cứu ứng dụng các lý thuyết về kinh tế, quản lý sản xuất kinh doanh và phát triển bền vững ngành thủy sản vào điều kiện cụ thể của Việt Nam.

- Nghiên cứu các mô hình quản trị kinh doanh; phát triển các loại hình doanh nghiệp; phân tích, đánh giá môi trường kinh doanh; phát triển và quản lý nguồn nhân lực; quản trị chất lượng.

- Nghiên cứu xây dựng mô hình quản trị tài chính trong doanh nghiệp; nghiên cứu tổ chức thị trường chứng khoán ảo phục vụ đào tạo và học tập; xây dựng chiến lược và chính sách tài chính cho các công ty cổ phần.

- Xây dựng mô hình tổ chức hạch toán kế toán cho các doanh nghiệp; xác định giá trị doanh nghiệp; các vấn đề về kiểm toán.

- Nghiên cứu các vấn đề về thị trường, xuất khẩu phát triển thương mại hội nhập.

*\* Các lĩnh vực khác*

- Nghiên cứu áp dụng các phương pháp dạy học tích cực.
- Ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy, quản lý và NCKH tại Trường.
- Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý tài nguyên biển và quản lý số liệu ngành thủy sản.
- Nghiên cứu giải pháp nâng cấp hạ tầng cơ sở công nghệ thông tin của Trường.
- Nghiên cứu nâng cao chất lượng đào tạo toàn diện trong nhà trường.
- Nghiên cứu biện pháp nâng cao năng lực và hiệu quả công tác quản lý Nhà trường.

### **III. Kiến nghị**

1. Do trượt giá trị phân thiết bị còn lại năm 2011 của Dự án tăng cường năng lực nghiên cứu cho phòng thí nghiệm cơ khí đóng tàu cá bị tăng hơn so với dự toán được duyệt, trình Bộ cho ý kiến chỉ đạo.

2. Đề nghị Bộ GDĐT quan tâm và tiếp tục đầu tư dự án tăng cường năng lực nghiên cứu cho trường giai đoạn 2012-2015 nhằm hiện đại hoá phòng thí nghiệm, tăng cường cơ sở vật chất phục vụ công tác NCKH và đào tạo trong lĩnh vực bảo tồn và lưu giữ nguồn gen và nghiên cứu sản xuất giống vi sinh vật và chế phẩm probiotics phục vụ nuôi thủy sản bền vững.

- *Dự án 1: Tăng cường năng lực nghiên cứu sản xuất vaccine và bảo tồn gen thủy sản.*

- *Dự án 2: Tăng cường năng lực nghiên cứu sản xuất giống vi sinh vật và chế phẩm probiotics phục vụ nuôi thủy sản bền vững.*

3. Bộ giao cho Trường quản lý các đề tài cấp Bộ phục vụ trực tiếp cho nhu cầu phát triển của Nhà trường (không phải qua "đầu thầu") theo phương thức sau:

- Bộ cấp mã số và hỗ trợ 35% kinh phí;
- Trường cấp 45% kinh phí;
- Chủ nhiệm đề tài huy động kinh phí từ các nguồn khác 20% kinh phí;
- Trường kiểm tra và báo cáo Bộ kết quả thực hiện đề tài hàng quý, hàng năm.

4. Đơn giản hoá thủ tục thanh, quyết toán kinh phí đề tài, dự án./.

K. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TRƯỜNG  
ĐẠI HỌC  
NHA TRANG

Hoàng Hoa Hồng

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, KHCN-HTQT.

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số **357**.../ĐHNT-HTĐN

V/v: Báo cáo người nước ngoài  
đang học tập và làm việc tại trường

Khánh Hòa, ngày **15** tháng 6 năm 2011

**Kính gửi: Đoàn Biên phòng Cầu Bông – BDBP tỉnh Khánh Hòa**

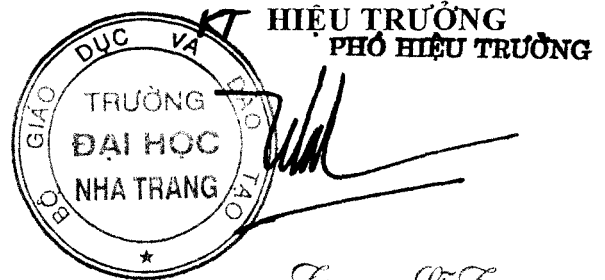
Phúc đáp Công văn số 197/CV-ĐBP ngày 11 tháng 6 năm 2011 của Đoàn Biên phòng Cầu Bông– Bộ chỉ huy BDBP tỉnh Khánh Hòa về việc cung cấp thông tin người nước ngoài đang học tập, công tác tại Trường, Trường Đại học Nha Trang xin cung cấp những thông tin theo yêu cầu trong văn bản đính kèm.

Kính đề nghị Quý cơ quan hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho những sinh viên, giáo viên nước ngoài an tâm học tập và công tác tại Trường.

Trân trọng kính chào.

*Nơi nhận:*

- Như kính gửi;
- Lưu VT, HTĐN.



*Trang Sĩ Trung*

Số: **407** /ĐHNT-TTGDQPKH  
V/v: Báo cáo công tác triển khai thực hiện  
Quy hoạch Hệ thống TTGDQP sinh viên  
giai đoạn 2011-2015

Khánh Hòa, ngày **11** tháng **7** năm 2012

**Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Thực hiện công văn số 3825/BGDĐT-GDQP của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Báo cáo công tác triển khai thực hiện Quy hoạch Hệ thống TTGDQP sinh viên giai đoạn 2011-2015, Trường Đại học Nha Trang báo cáo tình hình triển khai thực hiện Dự án Trung tâm Giáo dục quốc phòng Khánh Hòa với các nội dung chính sau:

- Tổ chức tiếp nhận, quản lý và sử dụng diện tích đất 65.000m<sup>2</sup> để xây dựng Trung tâm Giáo dục Quốc phòng Khánh Hòa tại thôn Đồng Cau, xã Suối Tân, huyện Cam Lâm theo quyết định 1130/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2009;

- Quyết định số 2539/QĐ-BGDĐT ngày 26/3/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Giáo dục Quốc phòng Khánh Hòa – Trường Đại học Nha Trang;

Tổng mức đầu tư được duyệt: 67.920.996.000 đ

Trong đó:

- + Chi phí xây lắp: 52.932.650.000 đ
- + Chi phí thiết bị: 4.683.960.000 đ
- + Chi phí KTCB khác: 4.129.750.000 đ
- + Chi phí dự phòng: 6.174.636.000 đ

**1. Các công việc đã triển khai thực hiện đến hết năm 2012:**

Đến hết năm 2012, dự án đang triển khai các công việc thuộc giai đoạn chuẩn bị đầu tư. Các công việc đã hoàn thành:

- + Tư vấn lập bản đồ địa chính, địa hình;
- + Tư vấn khảo sát địa chất phục vụ lập dự án;
- + Tư vấn lập dự án;
- + Thẩm định dự án;
- + Thỏa thuận PCCC;
- + Tư vấn khảo sát địa chất phục vụ lập bản vẽ thi công giai đoạn 1;
- + Tư vấn khảo sát địa chất phục vụ lập bản vẽ thi công giai đoạn 2;
- + Tư vấn thiết kế kỹ thuật thi công và tổng dự toán các hạng mục: Tường rào, công, nhà bảo vệ, trồng cỏ sân bóng đá, sân cầu lông, sân cờ, đường trục chính, đường trục phụ, san nền thuộc;
- + Tư vấn thẩm tra hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công và tổng dự toán các hạng mục: Tường rào, công, nhà bảo vệ, trồng cỏ sân bóng đá, sân cầu lông, sân cờ, đường trục chính, đường trục phụ, san nền;
- + Tư vấn thiết kế kỹ thuật thi công và tổng dự toán các hạng mục: Tường rào, công, nhà bảo vệ, trồng cỏ sân bóng đá, sân cầu lông, sân cờ, đường trục chính, đường trục phụ, san nền;
- + Tư vấn thiết kế kỹ thuật thi công và tổng dự toán các hạng mục: Ký túc xá đơn nguyên 1, 2, 3 thuộc Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Giáo dục quốc phòng Khánh Hòa - Trường Đại học Nha Trang.




<b>Năm 2014: Tập trung thi công các hạng mục chính của dự án</b>	
Các gói thầu xây lắp	
TT	Tên gói thầu
1	Thi công xây lắp các hạng mục: Ký túc xá đơn nguyên 1,2,3
2	Thi công xây lắp các hạng mục: Lớp học lý thuyết (2 khối); Nhà ở CBCNV; Nhà xe CBCNV; Nhà hành chính; Thư viện.
Các gói thầu thiết bị	
1	Cung cấp và lắp đặt thiết bị cho Trung tâm quốc phòng
<b>Năm 2015: Hoàn thành các gói thầu xây lắp còn dở dang trong năm 2014 và thực hiện các gói thầu xây lắp còn lại, đưa công trình vào sử dụng</b>	
Các gói thầu xây lắp	
TT	Tên gói thầu
1	Thi công xây lắp hạng mục: Hệ thống điện ngoài nhà
2	Thi công xây lắp hạng mục: Hệ thống nước ngoài nhà

### **3. Các đề xuất và kiến nghị:**

Dự án Trung tâm Giáo dục Quốc phòng Khánh Hoà đã được phê duyệt từ năm 2009 theo Quyết định số 2539/QĐ-BGDĐT ngày 26/3/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Giáo dục Quốc phòng Khánh Hòa – Trường Đại học Nha Trang với tổng mức đầu tư được duyệt là 67.920.996.000 đ. Đến nay mặt bằng giá máy móc, nhân công, vật liệu đã tăng lên nhiều. Nếu tính mức trượt giá là 20% và điều chỉnh khối lượng một số hạng mục theo thiết kế kỹ thuật thi công được duyệt thì tổng mức đầu tư cho dự án sẽ tăng lên rất nhiều. Chính vì vậy, để đảm bảo thực hiện dự án đúng như kế hoạch, Trường Đại học Nha Trang kính đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt và điều chỉnh lại tổng mức đầu tư của dự án cho phù hợp với mặt bằng giá cả hiện tại.

Khu đất UBND huyện Cam Lâm giao cho Trường Đại học Nha Trang thực hiện dự án Trung tâm Giáo dục Quốc phòng Khánh Hoà có diện tích lớn, xấp xỉ 6,5ha. Khu đất nằm giáp ranh với khu dân cư. Để đảm bảo việc quản lý và sử dụng đất đúng quy định, tránh những tranh chấp và mất mát về đất sử dụng sau này, cần thiết phải có hệ thống tường rào bao che khu đất. Chính vì vậy, Trường Đại học Nha Trang kính đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo sớm cấp kinh phí để Nhà trường thi công hạng mục tường rào bảo vệ khu đất được giao.

  
 GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
 TRƯỜNG  
 ĐẠI HỌC  
 NHA TRANG  
 \* VŨ VĂN XÚNG

#### **Nơi gửi:**

- Như kính gửi;
- Lưu VPTT/QLDA

Số: **394** /ĐHNT

Nha Trang, ngày **06** tháng 7 năm 2012

**Kính gửi: BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
CỤC CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TB TH- ĐỒ CHƠI TRẺ EM**

Căn cứ vào yêu cầu của công văn số 4085/BGDĐT-CSVCTBTH ngày 26/6/2012 của Bộ về việc hướng dẫn xây dựng dự toán chi đầu tư phát triển năm 2013, Trường Đại học Nha Trang xin báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ chi đầu tư phát triển năm 2012, kế hoạch chi đầu tư phát triển năm 2013 của trường như sau:

### **I/ Đánh giá thực hiện nhiệm vụ chi đầu tư phát triển năm 2012**

#### **1. Nhiệm vụ chi đầu tư phát triển năm 2012.**

Năm 2012 Trường được Bộ tiếp tục cấp vốn đầu tư cho các dự án: Tiếp tục chuẩn bị đầu tư các hạng mục thuộc dự án xây dựng Phân hiệu Kiên Giang (0.979 tỷ đồng); tiếp tục triển khai các gói thầu xây lắp tại dự án Phân hiệu Kiên Giang ( 40 tỷ đồng ); Chuẩn bị đầu tư xây dựng Trung tâm giáo dục quốc phòng Khánh Hòa ( 1,349 tỷ đồng); đầu tư xây dựng mở rộng sân vận động của trường Đại học Nha Trang ( 5,562 tỷ); Tiếp tục triển khai dự án đầu tư xây dựng Nhà Đa năng bằng 2 nguồn vốn ( 60% ngân sách nhà nước, 40% nguồn hợp pháp khác). Hiện nay đã giải ngân 15 tỷ/ 84,6 tỷ từ nguồn vốn hợp pháp của trường, ngân sách nhà nước chưa được cấp.

Đến 30/6/2012 các dự án đã được triển khai thuận lợi, khối lượng công việc đã triển khai hết theo kế hoạch, phần vốn xây lắp đã giải ngân cho các nhà thầu, phần vốn chuẩn bị đầu tư đang được giải ngân phần lớn, số còn lại sẽ giải ngân trong tháng 7/2012.

#### **2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi đầu tư phát triển**

Việc đầu tư của Bộ cho các dự án của Trường là kịp thời, phục vụ các nhu cầu cấp thiết cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, đặc biệt là dự án đầu tư xây dựng phân hiệu Kiên Giang. Do số lượng sinh viên của Phân hiệu ngày một tăng, nhu cầu về phòng học và nhà công vụ cho giáo viên rất cấp bách nên việc đầu tư tập trung dứt điểm nhằm nhanh chóng đưa vào sử dụng cho giảng dạy là thực sự cần thiết. Việc hỗ trợ, phê duyệt các thủ tục XDCB của Bộ đã góp phần đẩy nhanh tiến độ giải ngân của các dự án. Kính đề nghị Bộ cấp bổ sung vốn cho



Dự án xây dựng Phân hiệu Kiên Giang vì dự án nhóm A, công trình trọng điểm phục vụ nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho các tỉnh Tây Nam Bộ.

Trong điều kiện nguồn vốn đầu tư có hạn, để sớm đưa từng hạng mục của Dự án đầu tư xây dựng Phân hiệu Kiên Giang vào hoạt động từng phần, đáp ứng nhu cầu đào tạo tại Phân hiệu, bên cạnh việc xin bộ cấp bổ sung kinh phí, trường Đại học Nha Trang kính trình Bộ cho phép điều chỉnh một số gói thầu theo hướng thực hiện từng hạng mục nhỏ cấp thiết phục vụ ngay cho toàn nhà số một bao gồm cấp điện tổng, cấp thoát nước, thiết bị thiết yếu, hạ tầng ... để có thể đưa tòa nhà: Nhà học, thí nghiệm Khoa nuôi trồng thủy sản và tài nguyên môi trường trong tháng 9 năm 2012. (Đã có tờ trình riêng báo cáo Bộ).

Trong quá trình triển khai các dự án nhà trường đã phối hợp với các nhà thầu, kịp thời giải quyết các vướng mắc đẩy nhanh tiến độ thi công và giải ngân cho các khối lượng đã thực hiện. Đến thời điểm 30/6/2012 Dự án xây dựng Phân hiệu Kiên Giang đã giải ngân 90% kế hoạch vốn được giao. Theo kế hoạch 30/8/2012 bàn giao Nhà học, thí nghiệm Khoa nuôi trồng thủy sản và tài nguyên môi trường và một số hạng mục phụ trợ để đưa công trình vào sử dụng trong năm học mới thì số vốn còn thiếu là 40 tỷ đồng. Công trình xây dựng cải tạo Sân vận động đang tiến hành đúng tiến độ, đã giải ngân 60% kế hoạch, trong thời gian còn lại sẽ hoàn thành và vượt kế hoạch vốn được giao năm 2012. Dự án Trung tâm Giáo dục quốc phòng và An ninh Sinh viên công tác chuẩn bị đã hoàn thành về mặt bằng thi công, thủ tục đầu tư, thiết kế KTTC và dự toán một số hạng mục chính, khi được cấp vốn sẽ triển khai được ngay. riêng dự án Hệ thống cấp nước sạch và hệ thống xử lý nước thải Trại thực nghiệm, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ nuôi trồng thủy sản nước mặn Cam Ranh các gói thầu tư vấn đã triển khai xong nhưng do yêu cầu của Bộ phải tạm dừng nên chưa có kinh phí thanh toán.

### **3/ Tình hình quyết toán vốn đầu tư:**

Hiện nay trường đã thực hiện báo cáo quyết toán với Bộ 4/5 Dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng ( nguồn XDCB tập trung) Vốn CTMTQG 2 năm 2006, 2007, một công trình đã được phê duyệt, số còn lại đang chờ Bộ xem xét. Từ nay đến hết năm 2012 nhà trường chủ động bổ sung hồ sơ để quyết toán hết các công trình đã trình và trong năm 2013 trình quyết toán toàn bộ các công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng.

Nguyên nhân chậm báo cáo quyết toán là do chủ đầu tư tập hợp hồ sơ báo cáo chưa đầy đủ, một phần do sự thay đổi của chính sách quản lý đầu tư, nên dẫn đến một số bất cập trong công tác quản lý. Trong thời gian tới Trường Đại

học Nha Trang cam kết khắc phục những tồn tại, tích cực tập trung cho công tác quyết toán công trình, đảm bảo theo đúng thời gian qui định.

## **II/ Dự toán chi đầu tư phát triển năm 2013**

Về kế hoạch 2013 và các năm tiếp theo, căn cứ vào nhu cầu hiện tại và phát triển của Nhà trường chúng tôi xin đề xuất các nội dung ưu tiên xin được đầu tư như sau:

### **1. Từ nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung**

a/ Chi đầu tư đẩy nhanh tiến độ xây dựng hệ thống giảng đường, phòng thí nghiệm, hạ tầng điện nước, KTX, nhà công vụ thuộc dự án Phân hiệu Kiên Giang để đáp ứng nhu cầu đào tạo tại Phân hiệu nhằm nâng cao dân trí, đảm bảo nguồn lực, thúc đẩy phát triển kinh tế, an sinh xã hội, giảm nghèo, vùng Tây Nam Bộ theo chỉ đạo của Bộ và của Chính Phủ. Năm 2013 dự kiến kinh phí cần đầu tư 200 tỷ.

b/ Chi đầu tư xây dựng Thư viện điện tử, phục vụ cho việc chuyển đổi hệ thống đào tạo theo hệ tín chỉ đang được triển khai tại trường. Dự kiến kinh phí cho dự án là 40 tỷ đồng ( năm 2013 dự kiến 20 tỷ đồng)

c/ Chi đầu tư xây dựng Trung tâm Giáo dục Quốc phòng Khánh Hòa và các công trình phục vụ sinh viên như sân thể thao, nhà ăn... Năm 2013 dự kiến kinh phí cần đầu tư 20 tỷ (Dự án chuyển tiếp, năm 2011, 2012 đã được cấp 3,349 tỷ đồng cho công tác chuẩn bị đầu tư ).

d/ Chi xây dựng cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, NCKH, thể dục thể thao bao gồm Nhà đa năng (năm 2013 dự kiến kinh phí cần đầu tư 20 tỷ), Cải tạo Sân vận động (năm 2013 dự kiến kinh phí cần đầu tư 15 tỷ kết thúc đầu tư)

e/ Chi tăng cường năng lực cho phòng TN NCKH và chuyển giao công nghệ tự động hoá trong khai thác, nuôi trồng, bảo quản và chế biến thủy sản thời gian từ 2012-2015 với tổng kinh phí cả dự án là 42 tỷ đồng Năm 2013 dự kiến kinh phí cần đầu tư 10 tỷ.

f/ Chi cho công tác chuẩn bị đầu tư khảo sát, lập dự án điều chỉnh và mở rộng trường đại học Nha Trang theo hướng hoàn chỉnh qui hoạch khu vực tại số 2 Nguyễn Đình Chiểu, mở rộng thêm 10ha tại Tây Nam Hòn Nghê, 2ha tại Bắc Hòn Ông theo thỏa thuận với UBND tỉnh Khánh Hòa, và theo chiến lược phát triển trường đến năm 2020. Kinh phí dự kiến là 5 tỷ đồng.

### **2. Nguồn Chương trình mục tiêu Quốc gia**

Trong những năm qua từ nguồn vốn CTMTQG mà Bộ đầu tư cho trường đã góp phần kịp thời giải quyết nhu cầu cấp bách về chống xuống cấp các công trình hiện có, cải tạo, mở rộng, nâng cấp các phòng thí nghiệm, tạo điều kiện

duy trì các hoạt động thường xuyên của các cơ sở vật chất hiện có. Việc duy trì nguồn kinh phí này là hết sức cần thiết đối với trường Đại học Nha Trang. Trong năm 2012 căn cứ vào nhiệm vụ và nhu cầu thực tế của công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học chúng tôi đề xuất nội dung xin đầu tư từ nguồn vốn CTMTQG như sau:

- Do vị trí của trường nằm toàn bộ trên khu vực đồi núi nên ưu tiên cho công việc bảo đảm an toàn cho các công trình đang sử dụng, cải tạo lại hệ thống điện nước do dùng đã lâu, không đồng bộ, hao phí nhiều. Sửa chữa cải tạo hệ thống giảng đường ký túc xá.

- Bổ sung nâng cấp một số thiết bị cho các phòng thí nghiệm hiện có kịp thời phục vụ cho việc chuyển đổi hình thức đào tạo tín chỉ từ khóa 52.

( xin gửi kèm theo các biểu mẫu theo qui định)

Trên đây là báo cáo của Trường về tình hình thực hiện kế hoạch XDCB năm 2011, ước thực hiện năm 2012, kế hoạch 2013 và các năm tiếp theo

Kính trình Bộ xem xét phê duyệt

Trân trọng cảm ơn

HIỆU TRƯỞNG



VŨ VĂN XÚNG

Nơi gửi:

- Như kính gửi
- Lưu VT/QLDA

Số : 360/BC.ĐHNT

Khánh Hòa, ngày 19 tháng 6 năm 2012

## BÁO CÁO SƠ KẾT 6 THÁNG THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHỐI HỢP ĐẢM BẢO ANTT TRƯỜNG HỌC NĂM 2012

- Căn cứ Quy chế phối hợp thực hiện công tác đảm bảo an ninh, trật tự trường học của Các trường ĐH, CĐ, CĐ nghề, THCN với Công an tỉnh Khánh Hòa ký ngày 14/10/2011;

- Căn cứ Quy định phối hợp thực hiện công tác giữ gìn an ninh, trật tự tại Trường Đại học Nha Trang và trên địa bàn ba phường Vĩnh Thọ, Vĩnh Phước, Vĩnh Hải đã được lãnh đạo công an 3 phường Vĩnh Thọ, Vĩnh Phước, Vĩnh Hải và lãnh đạo trường Đại học Nha Trang ký kết ngày 20/01/2012;

Qua 6 tháng triển khai thực hiện, Trường Đại học Nha Trang sơ kết đánh giá những việc đã làm được và những vấn đề còn tồn tại hạn chế như sau:

### I. Những việc đã làm được

Sau khi ký kết Quy chế lãnh đạo các đơn vị: Công an tỉnh, Phòng PA83, Công an phường Vĩnh Thọ, Vĩnh Phước, Vĩnh Hải, Trường Đại học Nha Trang đã chủ động, tích cực triển khai các giải pháp để thực hiện Quy chế thuộc phạm vi trách nhiệm được quy định trong Quy chế bằng các hoạt động cụ thể sau:

1. Đa dạng hình thức chuyển tải nội dung tuyên truyền, giáo dục, quản lý để CBVC và HSSV không bị kẻ xấu lợi dụng kích động, lôi kéo vào các hoạt động vi phạm pháp luật, gây rối biểu tình... Tuyệt đối không có các hoạt động tôn giáo trong Nhà trường dưới mọi hình thức.

2. Nhà trường đã tổ chức cho CBVC và HSSV ký cam kết triển khai thực hiện chương trình quốc gia phòng chống: Tội phạm, các tệ nạn ma túy, mại dâm...; giao nhiệm vụ quản lý điều hành các hoạt động Internet cho Trung tâm Máy tính để giám sát, phát hiện ngăn ngừa kịp thời xử lý những tác động tiêu cực nếu có.

3. Động viên sinh viên ngoại trú tích cực tham gia: Đội sinh viên tự quản Tổ 1, 2, 3 Đông Nam, Phường Vĩnh Hải; tham gia mô hình "Nhà trọ 3 phòng, 3 chống" tại phường Vĩnh Phước;

4. Công an Vĩnh Thọ phối hợp với tổ KTX, Tổ Bảo vệ thuộc Trung tâm Phục vụ trường học xây dựng mô hình "Khu KTX an toàn về trật tự trị an". Mô hình này đã phát huy tác dụng ngăn ngừa và hạn chế các tệ nạn xã hội xâm nhập vào Nhà trường.

5. Thực hiện tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ, bảo vệ cơ quan, bố trí cán bộ làm việc ở những bộ phận quan trọng, thiết yếu, các chương trình, dự án có yếu tố người nước ngoài... luôn đảm bảo đúng quy định về phẩm chất chính trị, năng lực chuyên môn nghiệp vụ.

6. Trường đã báo cáo đầy đủ kịp thời với Phòng PA83 đoàn ra đoàn vào 6 tháng đầu năm 2012 (tính đến ngày 04/06/2012) Trường ĐH Nha Trang đã đón tiếp 39 đoàn khách quốc tế đến thăm và làm việc, với 108 lượt khách. Các hoạt động hợp tác quốc tế đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật, địa phương.

7. Các bộ phận chức năng của trường tích cực, chủ động phối hợp với Công an phường Vĩnh Thọ, Vĩnh Phước, Vĩnh Hải. trong việc đảm bảo an ninh, an toàn cho sinh viên nội, ngoại trú của Trường.

8. Nhà trường phối hợp với Công an Thành phố Nha Trang, Công an phường Vĩnh Thọ đang tiến hành điều tra các vụ việc về ANTT xảy ra trong khuôn viên Trường, cụ thể: Sáng 8/3/2012 phòng 203 K7 bị kẻ gian lấy trộm 2 laptop; Ngày 6/4/2012 tại quán ảnh (phía Đông trung tâm GD Quốc phòng) kẻ gian lấy một xe máy của anh Nguyễn Văn Hòa; Đêm 22/4/2012 kẻ gian mở khóa đột nhập vào phòng Kế hoạch - Tài chính lấy trộm hai CPU (máy tính bàn);

Ngày 10/4/2012 SV ở K8 và thanh niên địa phương đánh SV K7 gây thương tích; Ngày 4/5/2012 Kẻ gian lấy một xe máy của SV Lê Tấn Hải lớp 52CNSH tại nhà giữ xe trước cổng trường, sau đó công an phường Ninh Hiệp, TX Ninh Hòa phát hiện và phối hợp với công an Vĩnh Thọ thu hồi xe trả lại cho người bị mất; Đêm ngày 23/04 và ngày 11/05, kẻ gian phá khóa vào Phòng Kế hoạch – Tài chính lấy 02CPU, dùng đèn khò định phá két bạc thì bị người trực phát hiện vây bắt, nhưng chúng chạy thoát mất.; Ngày 22/5/2012 tại phòng 314 K7 bị mất 3 laptop; Đêm 30/5/2012 kẻ gian mở khóa cửa vào văn phòng Bộ môn Kỹ thuật Ô tô lấy trộm một bộ máy tính bàn, một CPU, một máy đo khí nén của động cơ diezen; Công an phường Vĩnh Thọ lập hồ sơ gửi Công an thành phố Nha Trang vụ SV Ngô Quốc Trung, MSSV 50131852 mượn 3 laptop và một điện thoại di động (có dấu hiệu lừa đảo) đưa cầm đồ.

10. Hàng tháng các khoa, viện phối hợp với phòng CTSV cử 20 GVCN, CVHT phối hợp với chủ nhà trọ kiểm tra sinh viên ngoại trú (từ tháng 2 đến tháng 5 đã kiểm tra 286 sv và 55 nhà trọ);

11. Định kỳ hàng tháng Phòng CTSV cử cán bộ phối hợp với các Tổ trưởng dân phố, hàng quý phối hợp với công an nắm bắt tình hình HSSV tạm trú, tạm vắng, quản lý sinh viên ngoại trú hoặc thông qua đường dây nóng; Nhà trường đã thông báo quyết định buộc thôi học 290 sinh viên vì không đủ điều kiện đào tạo, 2 SV bị kỷ luật buộc thôi học vì vi phạm quy chế thi, 91 sinh viên cảnh cáo vi phạm quy chế thi cho công an các phường để phối hợp quản lý.

12. TTPVTH quản lý tốt SV ở KTX kịp thời trấn áp các đối tượng xấu từ bên ngoài xâm nhập vào KTX.

13. Đoàn thanh niên, HSV trường đã tổ chức giao lưu giải bóng chuyên, bóng đá với thanh niên 3 phường và bộ đội Biên phòng.

14. Đêm thứ sáu (cuối tháng) Công an địa bàn của phường Vĩnh Thọ phối hợp với Nhà trường KTX kiểm tra K6, K7 phát hiện và thu giữ gậy, thanh gổ trong phòng ở.

## **II. Những vấn đề còn tồn tại hạn chế :**

Bên cạnh những việc đã triển khai làm được, trong công tác phối hợp đảm bảo ANTT trường học còn có một số tồn tại, hạn chế:

- Quản lý HSSV ngoại trú có lúc có nơi chưa được chặt chẽ; nhiều nhà trọ điều kiện an ninh trật tự cho HSSV chưa đảm bảo, Công an phường chưa thông báo tình hình trật tự trị an trong vùng để Trường có cơ sở tư vấn cho HSSV ngoại trú...; Giao lưu kết nghĩa giữa tổ chức đoàn thanh niên của ba phường chưa thường xuyên chưa có kế hoạch hoạt động cụ thể;

- Tình trạng HSSV vi phạm quy định của địa phương tuy nhỏ nhưng vẫn còn xảy ra. Tình trạng một số HSSV thiếu tự chủ bị những thanh niên có thói hư tật xấu kích động rủ rê tham gia chơi cờ bạc... công an Vĩnh Thọ đã xử lý nhưng chưa triệt để, vẫn còn sinh viên ở nhà trọ vắng chủ (đường Cao văn Bé -Vĩnh phước) nhưng chưa có sự chấn chỉnh của chính quyền và công an địa phương.

- Vụ đánh nhau gây thương tích giữa sinh viên Trường và TN địa phương tại tổ 34 khóm Sơn Hải, P. Vĩnh Thọ ngày 10/4/2012 chưa được giải quyết dứt điểm.

- Công an Vĩnh Phước, Vĩnh Hải chưa phối hợp với Trường trong việc xây dựng phương án phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, phòng chống cháy nổ...

- Trong thời gian ngắn Nhà trường bị kẻ gian đột nhập trộm cắp tài sản các bộ phận chức năng của Trường lúng túng chưa có giải pháp ngăn chặn hiệu quả, nhưng cơ quan Công an chưa chủ động tư vấn hỗ trợ cho Trường, nhất là việc điều tra truy tìm thủ phạm và chưa thông báo kết quả điều tra cho Trường biết.

## **III. Phương hướng thực hiện công tác phối hợp đảm bảo ANTT trường học 6 tháng cuối năm 2012.**

Nhằm tiếp tục giữ vững sự ổn định về chính trị, trật tự an toàn xã hội trong Nhà trường, tạo môi trường lành mạnh để góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, Đảng ủy Ban giám hiệu Nhà trường xác định cần tiếp tục tập chung chỉ đạo thực hiện tốt các nội dung sau đây.

1. Phát huy những việc đã làm được đồng thời khắc phục những vấn đề còn tồn tại đã nêu.
2. Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, phổ biến cho CBVC, HSSV về chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước.
3. Tiếp tục thực hiện Quy chế phối hợp thực hiện công tác đảm bảo an ninh, trật tự trường học của Các trường ĐH, CĐ, CĐ nghề, THCN với Công an tỉnh Khánh Hòa ký ngày 14/10/2011; Quy định phối hợp thực hiện công tác giữ gìn an ninh, trật tự tại Trường Đại học Nha Trang và trên địa bàn ba phường Vĩnh Thọ, Vĩnh Phước, Vĩnh Hải.
4. Tăng cường công tác bảo vệ, thực hiện đúng mọi chủ trương, đường lối của Đảng chính sách pháp luật của Nhà nước trong mọi hoạt động của Nhà trường.
5. Tăng cường công tác quản lý người nước ngoài đến công tác học tập tại trường và CBVC, HSSV của Nhà trường ra nước ngoài học tập, công tác...
6. Tiếp tục duy trì thực hiện chương trình quốc gia phòng chống: Tội phạm, ma túy, mại dâm...
7. Tổ chức cho HSSV ký cam kết không liên quan đến ma túy, không tham gia các trò chơi trực tuyến có nội dung bạo lực và không lành mạnh. (đối với sinh viên khóa 54 vào trường)
8. Phòng chống trộm cắp trong khu vực Nhà trường và các hành vi cờ bạc, số đề, trấn lột, đánh nhau gây thương tích trong HSSV hoặc giữa HSSV với bên ngoài.
9. Thường xuyên duy trì bảo đảm trật tự an toàn giao thông, trật tự nơi công cộng trong cũng như ngoài Nhà trường.
10. Phối hợp với Công an phường Vĩnh Thọ, Vĩnh Phước, Vĩnh Hải, Công an TP Nha Trang, phòng PA 83 – Công an tỉnh Khánh Hòa tổ chức đảm bảo an toàn tuyệt đối cho kỳ thi tuyển sinh năm 2012 của Nhà trường và các ngày lễ lớn trong năm.
11. Giáo dục nâng cao ý thức trách nhiệm cho toàn thể CBVC và HSSV không ngừng nâng cao tinh thần trách nhiệm trong công tác tự quản, tự phòng chống, tự bảo vệ ANTT ngay tại đơn vị mình, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, nội quy, quy chế Nhà trường.
12. Tăng cường phối hợp các hoạt động giao lưu giữa tổ chức đoàn của Trường với các phường và nhân dân địa phương.

#### **IV. Kiến nghị, đề xuất**

1. Đề nghị tăng cường trao đổi thông tin hai chiều giữa chính quyền và Công an địa phương với Nhà trường về các loại tội phạm, tệ nạn xã hội để chủ động phối hợp phòng ngừa như quy định đã ký kết.
2. Công an địa phương chủ động tham mưu hướng dẫn, phối hợp với nhà trường trong việc thực hiện tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ, trong năm tình hình, phát hiện, đấu tranh với các loại tội phạm, tệ nạn xã hội xâm nhập vào Nhà trường đặc biệt là các hành vi đe dọa cưỡng đoạt tài sản của HSSV và tài sản của Nhà trường ở các khu vực xung quanh trường học.
3. Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành quy chế quản lý công tác học sinh sinh viên trên địa bàn tỉnh để quản lý nhà nước công tác này chặt chẽ và thống nhất.

Trên đây là nội dung báo cáo sơ kết 6 tháng đầu năm 2012 thực hiện công tác phối hợp bảo đảm an ninh trật tự trường học của Trường Đại học Nha Trang, trân trọng được báo cáo.

#### **Nơi nhận:**

- Phòng PA 83 CA Tỉnh KH;
- Công an TP Nha Trang ;
- UBND, Công an: VP, VT, VH;
- Lưu: VT, BCD.

**KT/ HIỆU TRƯỞNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG – TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO**



*Phan Thanh Liêm*

Số: 380/ĐHNT-KHCN  
V/v báo cáo thực trạng đội ngũ cán bộ KHCN  
theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT và Bộ KH&CN

Khánh Hòa, ngày 30 tháng 7 năm 2013

Kính gửi:

- Phòng Tổ chức - Hành chính
- Phòng Đào tạo
- Phòng Khoa học Công nghệ

Thực hiện Công văn số 5090/BGDĐT-KHCNMT ngày 23/7/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Công văn số 2233/BKHCN-TCCB ngày 23/7/2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ, Giám hiệu yêu cầu các đơn vị có liên quan triển khai gấp một số công việc sau đây:

**1) Phòng Tổ chức - Hành chính**

- Thống kê viên chức ngành KH&CN theo mẫu đính kèm Công văn số 5090/BGDĐT-KHCNMT ngày 23/7/2013 của Bộ GD&ĐT.
- Thống kê số lượng cán bộ KH&CN theo Phụ lục 1 đính kèm Công văn số 2233/BKHCN-TCCB ngày 23/7/2013 của Bộ KH&CN.

**2) Phòng Đào tạo**

Thống kê số sách chuyên đề, giáo trình đã xuất bản theo mục 3, Phụ lục 3 đính kèm Công văn số 2233/BKHCN-TCCB ngày 23/7/2013 của Bộ KH&CN.

**3) Phòng Khoa học Công nghệ**



- Thống kê nhiệm vụ KHCN đã chủ trì thực hiện theo Phụ lục 2 đính kèm Công văn số 2233/BKHCN-TCCB ngày 23/7/2013 của Bộ KH&CN.
- Thống kê số lượng theo các mục 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8 của Phụ lục 3 đính kèm Công văn số 2233/BKHCN-TCCB ngày 23/7/2013 của Bộ KH&CN.
- Tổng hợp số liệu, hoàn chỉnh báo cáo theo yêu cầu của Công văn số 5090/BGDĐT-KHCNMT và 2233/BKHCN-TCCB.

Phòng TC-HC, Phòng ĐT gửi số liệu về Phòng KHCN trước ngày 02/8/2013.  
Phòng KHCN hoàn chỉnh báo cáo và trình Giám hiệu trước ngày 03/8/2013.

Vì thời gian quá gấp nên Giám hiệu yêu cầu các đơn vị khẩn trương triển khai thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như "kính gửi";
- Lưu VT, KHCN.

HIỆU TRƯỞNG   
  
*Vũ Văn Lương*

Số: **353** /BC-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày **08** tháng **7** năm 2013

**BÁO CÁO**  
**PHƯƠNG ÁN TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ THỰC HIỆN**  
**NHIỆM VỤ VỀ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP**

**Kính gửi: Vụ Kế hoạch Tài chính - Bộ Giáo dục và Đào tạo**

- Căn cứ Quyết định số 155/CP ngày 16/8/1966 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập và qui định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản nay là Trường Đại học Nha Trang

- Căn cứ Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành điều lệ Trường Đại học.

- Căn cứ Quyết định số 558/QĐ-BGDĐT ngày 29/1/2011 về việc giao dự toán thu, chi NSNN năm 2011 cho các nhiệm vụ đào tạo lại cán bộ, SDH, ĐH, CĐ, TC, NCKH, chương trình mục tiêu, chống xuống cấp và Thông báo số 1768/BGDĐT - KHTC ngày 01/4/2011 về tiết kiệm 10% chi thường xuyên nhằm kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô.

- Căn cứ Quyết định số 888/QĐ-BGDĐT ngày 01/03/2012 về việc giao dự toán NSNN năm 2012 cho các nhiệm vụ đào tạo lại cán bộ, SDH, ĐH, CĐ, TC, NCKH.

- Căn cứ Quyết định số 868/QĐ-BGDĐT ngày 11/03/2013 về việc giao dự toán NSNN năm 2013 cho các nhiệm vụ đào tạo lại cán bộ, SDH, ĐH, CĐ, TC và Quyết định số 611/QĐ-BGDĐT ngày 19/02/2013 về việc giao dự toán NSNN năm 2013 cho nhiệm vụ NCKH.

- Căn cứ Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/04/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính; Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 9/8/2006 của Bộ Tài chính



hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp có thu, Trường Đại học Nha Trang đánh giá như sau:

### **1.Đánh giá tình hình triển khai Nghị định số 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/4/2006.**

Trường đã tiến hành rà soát và hoàn thiện Quy chế chi tiêu nội bộ theo tinh thần Nghị định 43/2006/NĐ-CP. Trường đang chuẩn bị triển khai việc ký lại hợp đồng lao động với cán bộ viên chức của các đơn vị trong toàn trường và cải cách chi trả tiền lương trong trường để nâng cao hiệu quả lao động.

Trường chủ động tuyển dụng giảng viên vào làm việc hợp đồng và tổ chức thi công chức để lựa chọn những ứng viên có đủ tiêu chuẩn vào công tác lâu dài tại trường theo đề án chiến lược đa dạng hóa ngành nghề đào tạo.

#### **a. Tình hình xây dựng qui chế chi tiêu nội bộ**

Theo tinh thần Nghị định 10/2002/NĐ-CP và Nghị định 43/2006/NĐ-CP, Trường đã xây dựng và ban hành qui chế chi tiêu nội bộ và qua nhiều lần sửa đổi để hoàn thiện. Qui chế chi tiêu nội bộ đã là cơ sở để quản lý và giám sát chi tiêu theo định mức đã xây dựng thống nhất và ban hành công khai trong tập thể người lao động. Do vậy đã thực hiện tốt qui chế dân chủ trong nhà trường và thực hành tiết kiệm, công khai minh bạch về chi tiêu tài chính đồng thời tạo cơ chế thực hiện kiểm soát của Kho bạc, cơ quan quản lý tài chính cấp trên và các cơ quan thanh tra, kiểm toán.

Để triển khai Nghị định 43/2006/NĐ-CP, trường đã và đang hoàn thiện qui chế chi tiêu nội bộ trình Bộ Giáo dục & Đào tạo phê duyệt để chuyển Kho bạc giám sát.

#### **b. Tình hình thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính của đơn vị**

Sau khi thực hiện Nghị định 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ, trường đã có nhiều chủ động trong công tác tài chính. Trường đã sử dụng các biện pháp khoán định mức sử dụng văn phòng phẩm, điện thoại, lắp đặt đồng hồ điện nước cho các khu vực để quản lý, ban hành công khai định mức chi mẫu vật thực tập, thực hiện

đấu thầu trong các công việc vệ sinh môi trường, quản lý giảng đường để tiết kiệm chi phí và nâng cao hiệu quả công tác. Tập trung hóa để hợp lý hóa và chuyên nghiệp hóa việc quản lý và sử dụng các phương tiện thực hành góp phần giảm thiểu các loại chi phí bảo dưỡng và vận hành, làm tăng tuổi thọ cho các phương tiện thiết bị một cách đáng kể. Tăng thu qua đấu thầu một số dịch vụ nhà xe, nhà ăn và một số dịch vụ khác. Các khoản chi phụ cấp vượt giờ và thù lao giảng dạy cho cán bộ mời giảng được tính công khai lên mạng nội bộ để cán bộ giảng viên toàn trường kiểm tra và giám sát đã nhận được sự đồng tình của tập thể cán bộ công chức. Các nguồn kinh phí của trường được sử dụng ngày càng có hiệu quả. Bên cạnh nguồn đầu tư từ NSNN, nguồn thu học phí cũng có những đóng góp đáng kể trong việc nâng cao cơ sở vật chất và chất lượng đào tạo của trường. Việc đầu tư đang tiệm cận gần hơn nhu cầu sử dụng và có sự giám sát, kiểm tra của đơn vị sử dụng nên hiệu quả đầu tư cao.

### **c. Tình hình thu nhập người lao động**

Nhờ có cơ chế tự chủ tài chính, thực hành tiết kiệm do đó thu nhập của cán bộ CNVC trong trường được nâng cao rõ rệt. Tuy nhiên vì do trường đặc thù đào tạo chủ yếu các ngành thuộc khối kỹ thuật, chi phí đào tạo cao và người học ít, nguồn thu từ học phí thấp nên phần tiết kiệm để tăng thêm thu nhập cho người lao động còn có phần hạn chế. Mặc dù còn nhiều khó khăn song nhà trường luôn cố gắng đảm bảo và nâng cao đời sống cho người lao động. Hiện nay theo qui chế chi tiêu nội bộ của trường, phần thu nhập tăng thêm được chi trả theo hiệu quả công việc của từng người có tính đến trách nhiệm, kinh nghiệm, ý thức của người lao động....do vậy còn có sự cách biệt về thu nhập giữa các đối tượng khác trong trường.

### **d. Các biện pháp thực hành tiết kiệm và tăng thu**

Trong điều kiện nguồn thu không tăng nhưng nhu cầu chi lại luôn có xu hướng tăng do Nhà nước tăng lương tối thiểu và trường phải tuyển dụng thêm lao động cho nhu cầu đa dạng hóa ngành học. Các khoản chi điện, nước, văn phòng phẩm và chế độ cho người lao động cũng ngày một tăng. Đây là một thách thức và khó khăn rất lớn trong việc cân đối thu - chi tài chính của trường. Để giải quyết

những vấn đề khó khăn trên, trường đã chủ trương thực hiện một số biện pháp thực hành tiết kiệm như:

- Xây dựng các định mức lao động phù hợp, làm cơ sở để định biên, định việc tiến tới khoán biên chế và khoán lương cho từng người và từng đơn vị. Tạo điều kiện để giảm việc phân phối bình quân trong thu nhập, chi trả tiền công đúng với công sức từng người bỏ ra, góp phần thúc đẩy người lao động gắn bó với nhà trường, có ý thức trách nhiệm với công việc.

- Xây dựng các định mức khoán văn phòng phẩm cho các đơn vị, điện thoại cho cán bộ quản lý... sát với thực tế.

- Quy định về sử dụng, mua sắm tài sản công theo định mức.

- Thực hiện chế độ kiểm tra báo cáo tài chính theo đúng các qui định của pháp luật.

- Xây dựng qui trình mua sắm, sửa chữa, quản lý tài sản công theo đúng các quy định của pháp luật. Phương châm tất cả tài sản phải có người chịu trách nhiệm cụ thể.

- Xây dựng cụ thể các mức chi cho các hoạt động của các đoàn thể, hoạt động phong trào của sinh viên, cán bộ theo hướng có kế hoạch, tiết kiệm và hiệu quả.

Ngoài ra Trường còn khuyến khích các đơn vị trực thuộc chủ động tạo nguồn thu từ các dịch vụ với các cơ sở sản xuất như chuyển giao công nghệ, tư vấn, sản xuất, đào tạo... trên cơ sở trường có thu hồi phần kinh phí chi ra nhằm tái đầu tư cơ sở vật chất của trường và một phần cho phúc lợi tập thể. Điều này đã tạo động lực cho các đơn vị chủ động tạo nguồn thu để nâng cao thu nhập cho người lao động trong đơn vị.

Giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị một mặt tạo sự chủ động tài chính trong chi tiêu ngân sách một cách hợp lý, hiệu quả, công khai minh bạch; mặt khác còn là động lực giúp cho các đơn vị chủ động tạo nguồn thu để nâng cao đời sống cho cán bộ công nhân viên chức (CBCNV) thuộc đơn vị mà không vi phạm quy định tài chính của Nhà nước. Cùng với việc giao quyền tự chủ về tài chính, Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ còn nâng cao tính tự chịu trách

nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Điều này đã đạt được mục tiêu trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho đơn vị sự nghiệp trong việc tổ chức công việc, sắp xếp lại bộ máy, sử dụng lao động và nguồn tài chính để hoàn thành nhiệm vụ được giao, phát huy mọi khả năng của đơn vị để cung cấp dịch vụ với chất lượng cao cho xã hội, tăng nguồn thu nhằm từng bước giải quyết thu nhập cho người lao động. Thực hiện chủ trương xã hội hóa trong việc cung cấp dịch vụ cho xã hội, huy động sự đóng góp của cộng đồng xã hội để phát triển các hoạt động sự nghiệp, từng bước giảm dần bao cấp từ Ngân sách Nhà nước. Bên cạnh thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với đơn vị sự nghiệp, Nhà nước vẫn quan tâm đầu tư để hoạt động sự nghiệp ngày càng phát triển. Mặt khác cơ chế tài chính này đảm bảo thực hiện công khai dân chủ theo qui định của pháp luật, đồng thời chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

## 2. Về nhiệm vụ, tổ chức bộ máy biên chế

Với nhiệm vụ đào tạo các bậc từ Trung cấp đến Tiến sĩ và nhiệm vụ NCKH, nhà trường đã tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu quả, hợp lý để thực hiện nhiệm vụ được giao như sau:

**Bảng 01: Tình hình sử dụng lao động và biên chế được duyệt của Trường thời kỳ 2011 -2013**

Trường ĐH Nha Trang	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013	
	Được phê duyệt	Thực tế	Được phê duyệt	Thực tế	Được phê duyệt	Thực tế
Biên chế	737	632	774	642	806	639
Lao động hợp đồng		6		3		5
<b>TỔNG</b>	<b>737</b>	<b>638</b>	<b>774</b>	<b>645</b>	<b>806</b>	<b>644</b>

## 3. Về dự toán thu, chi

a) **Biểu số liệu:** theo 3 phụ lục đính kèm

- Về mức thu sự nghiệp

+ Các khoản phí, lệ phí: Các khoản thu sự nghiệp của Trường chủ yếu là thu học phí, lệ phí tuyển sinh, thu lệ phí ký túc xá.

Học phí trong năm 2011, 2012, 2013 thu theo Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ “Quy định về miễn giảm học học, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 – 2011 đến năm học 2014 – 2015”.

Lệ phí tuyển sinh ĐH, CĐ Chính quy năm 2011 đến 2012 thu theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 21/2010/TTLT-BTC-BGD&ĐT ngày 11/02/2010 v/v quy định chế độ thu và sử dụng lệ phí dự thi, dự tuyển (lệ phí tuyển sinh) Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp. Năm 2013 thu theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 25/2013/TTLT-BTC-BGD&ĐT ngày 08/03/2013 .

Năm 2011 đến 2013 chính sách miễn giảm học phí cho con em chế độ chính sách, hộ nghèo theo NĐ49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 và Thông tư liên tịch số 29/2010/LBGD-TC-TBXH ngày 15/11/2010.

Lệ phí ký túc xá thu theo nguyên tắc đủ bù đắp chi phí để phục vụ sinh viên với mức thu từ 800.000đ – 1.300.000đ/năm.

Trường có chính sách miễn giảm lệ phí ký túc xá cho các em sinh viên giỏi. Từ năm học 2012 - 2013 số lượng tuyển sinh giảm sút cho cả hệ Chính quy và Vừa học vừa làm nên nguy cơ nguồn thu sẽ sụt giảm mạnh. Số lượng hồ sơ tuyển sinh năm 2013 giảm nhiều. Những ngành có số lượng tuyển sinh cao ở các năm trước thì nay lượng hồ sơ giảm gần 60%, các ngành Thủy sản và ngành kỹ thuật thì đã không tuyển sinh được trong năm vừa qua. Hệ liên thông không tuyển được do Bộ thắt chặt điều kiện dự tuyển. Do vậy nguồn thu học phí của trường sẽ giảm mạnh trong năm 2013 và các năm tiếp theo.

b. Căn cứ vào dự toán thu chi năm đầu thời kỳ ổn định và nội dung hướng dẫn tại Thông tư số 71/2006/NĐ- CP ngày 9/8/2006 của Bộ Tài chính, đơn vị tự xác định phân loại là *đơn vị sự nghiệp có thu tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên* và đề nghị số kinh phí NSNN cấp chi thường xuyên năm 2014 là 53,5 tỷ đồng, năm 2015 là 58,9 tỷ, năm 2016 là 64.8 tỷ đồng.

#### 4. Những khó khăn, tồn tại, kiến nghị

Trường Đại học Nha Trang nằm trên địa bàn phần lớn dân cư nghèo, sinh viên hầu hết là con em nông ngư dân, nguồn tuyển hạn chế nên gặp nhiều khó khăn trong việc chủ động nguồn thu. Bên cạnh đó trường chủ yếu đào tạo các ngành kỹ thuật, số sinh viên/lớp thấp, chi phí đào tạo cao. Để nâng cao chất lượng đào tạo trường phải chi kinh phí mẫu vật thực tập khá lớn nên phần kinh phí tiết kiệm để tái đầu tư cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy và đào tạo cho sinh viên còn nhiều hạn chế. Đặc biệt theo chủ trương đổi mới phương pháp giảng dạy và ứng dụng tin học trong công tác giảng dạy thì việc đầu tư trang bị phương tiện dạy học tại các giảng đường đang là vấn đề cấp thiết hiện nay nhà trường đang phải giải quyết. Kính trình Bộ Giáo dục & Đào tạo xem xét và quan tâm đầu tư để Trường Đại học Nha Trang từng bước nâng cao điều kiện dạy và học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học trên con đường phát triển

Trân trọng.

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Lưu: VT, KHTC.

HIỆU TRƯỞNG



Vũ Văn Xứng

**Phụ lục 04**

*(Kèm theo công văn số 4051/BGDĐT-KHTC ngày 17/6/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

**DỰ TOÁN THU, CHI PHÍ, LỆ PHÍ VÀ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ**

*Đơn vị: Nghìn đồng*

STT	Nội dung	Tổng thu			Nộp NSNN			Được để lại chi		
		Năm 2013		Dự toán Năm 2014	Năm 2013		Dự toán Năm 2014	Năm 2013		Dự toán Năm 2014
		Dự toán	Ước TH		Dự toán	Ước TH		Dự toán	Ước TH	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
<b>I</b>	<b>Phí, lệ phí</b>	<b>103,410,000</b>	<b>93,130,800</b>	<b>95,398,844</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>103,410,000</b>	<b>93,130,800</b>	<b>95,398,844</b>
1	Học phí	74,320,000	87,565,600	89,962,944				74,320,000	87,565,600	89,962,944
	- Chính quy		68,309,800	82,018,464					68,309,800	82,018,464
	- Không chính quy		19,255,800	7,944,480					19,255,800	7,944,480
2	Lệ phí TS	1,430,000	1,197,300	1,068,000				1,430,000	1,197,300	1,068,000
3	Thu SN khác ( ký túc xá)	27,660,000	4,367,900	4,367,900				27,660,000	4,367,900	4,367,900
<b>II</b>	<b>Hoạt động dịch vụ</b>		<b>6,368,100</b>	<b>7,004,856</b>		<b>169.6</b>	<b>186.6</b>		<b>6,368,100</b>	<b>7,004,856</b>
1	Thuê mặt bằng		1,696,000	1,866,000		169.6	186.6		1,696,000	1,866,000
2	Khác		4,672,100	5,138,856					4,672,100	5,138,856

**Phụ lục 03**

(Kèm theo công văn số 4051/BGDĐT-KHTC ngày 17 / 6 /2010 của Bộ GD&ĐT)

**DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2014**

(Kèm theo phương án tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập)

Đơn vị: Nghìn đồng

Số TT	Nội dung	Năm 2013		Dự toán Năm 2014
		Dự toán	ước TH	
<b>A</b>	<b>Thu, chi thường xuyên</b>			
<i>I</i>	<i>Thu sự nghiệp (theo phụ lục 04)</i>	<b>103,410,000</b>	<b>99,498,900</b>	<b>102,403,700</b>
1	Số phí, lệ phí được để lại chi theo quy định		93,435,000	95,733,010
2	Thu hoạt động dịch vụ		1,696,000	1,866,000
3	Thu khác		4,367,900	4,804,690
<i>II</i>	<i>Chi thường xuyên:</i>		<b>147,941,300</b>	<b>155,534,500</b>
1	Chi thường xuyên phục vụ nhiệm vụ được giao		144,320,800	148,937,800
2	Chi phục vụ cho công tác thu phí, lệ phí		1,445,500	4,353,800
3	Chi hoạt động dịch vụ (bao gồm thực hiện nghĩa vụ với NSNN, khấu hao cơ bản)		2,175,000	2,242,900
<i>III</i>	<i>Chênh lệch đề nghị NSNN cấp (I-II)</i>		-48,442,400	-53,130,800
<b>B</b>	<b>Chi NSNN không thường xuyên</b>		<b>144,068,000</b>	<b>284,686,000</b>
1	Chi mua sắm, sửa chữa TSCĐ theo dự án được duyệt <i>Dự án: "Xây dựng phòng thí nghiệm nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ tự động hóa trong khai thác, nuôi trồng, bảo quản, chế biến và vận chuyển thủy sản"</i>			10,000,000
2	Chi nghiên cứu khoa học và công nghệ cấp nhà nước, cấp Bộ		3,966,000	21,584,000
3	Chi thực hiện chương trình đào tạo			2,000,000
4	Chi thực hiện các CTMTQG			
5	Chi thực hiện các nhiệm vụ Nhà nước đặt hàng			
6	Chi thực hiện tinh giản biên chế (nếu có)			
7	Chi ĐTXDCB		140,000,000	250,000,000
8	Chi đào tạo học sinh K		102,000	102,000
9	Chi Đối ứng dự án "Đưa biến đổi khí hậu vào các phương pháp tiếp cận hệ sinh thái trong lĩnh vực thủy sản và quản lý nuôi trồng thủy sản ở Bangladesh, Sri Lanka và Việt Nam"			1,000,000



**Phụ lục 01***(Kèm theo công văn số 4051 /BGDDT-KHTC ngày 17 /6/2013 của Bộ GD&ĐT)***ĐÁNH GIÁ MỨC TỰ ĐẢM BẢO CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG THƯỜNG XUYÊN  
GIAI ĐOẠN 2011-2013***(Kèm theo phương án tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập)*

Đơn vị: Nghìn đồng

<b>Số TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Năm 2011 (Theo số QT)</b>	<b>Năm 2012 (Theo số QT)</b>	<b>Năm 2013 ước TH</b>
<b>I</b>	<b>Thu sự nghiệp</b>	<b>88,844,809</b>	<b>111,569,685</b>	<b>99,498,900</b>
1	Số phí, lệ phí được để lại chi theo quy định	77,306,199	99,979,530	93,435,000
2	Thu hoạt động dịch vụ	6,217,966	3,999,338	1,696,000
3	Thu khác	5,320,644	7,590,817	4,367,900
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên:</b>	<b>147,081,687</b>	<b>152,291,846</b>	<b>154,941,300</b>
1	Chi thường xuyên phục vụ nhiệm vụ được giao	139,779,588	144,807,778	149,320,800
2	Chi phục vụ cho công tác thu phí, lệ phí (TSL)	1,443,438	917,622	1,445,500
3	Chi hoạt động dịch vụ (bao gồm thực hiện nghĩa vụ với NSNN, khấu hao cơ bản)	5,858,661	6,566,446	4,175,000
<b>III</b>	<b>Mức tự đảm bảo chi phí hoạt động thường xuyên của đơn vị (%) (I/II)</b>	<b>0.6</b>	<b>0.7</b>	<b>0.6</b>

Số: 204/BC-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày 18 tháng 4 năm 2013

## BÁO CÁO

**Về việc thực hiện chính sách, pháp luật trong công tác tuyển dụng, đào tạo, bổ nhiệm đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (2010-2012)**

**Kính gửi: Vụ Tổ chức Cán bộ - Bộ Giáo dục và Đào tạo.**

Thực hiện Công văn số 1413/BGDĐT-TCCB ngày 06/03/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc báo cáo công tác tuyển dụng, đào tạo, bổ nhiệm đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Trường Đại học Nha Trang báo cáo kết quả thực hiện như sau:

**1. Công tác ban hành các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành pháp luật về tuyển dụng, đào tạo, bổ nhiệm đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức**

- Tình hình triển khai việc thực hiện pháp luật về tuyển dụng, đào tạo, bổ nhiệm đối với đội ngũ cán bộ, viên chức:

+ Đảng ủy, Giám hiệu Nhà trường đã phổ biến kịp thời các chủ trương, đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước tại các buổi sinh hoạt chính trị, chào cờ đầu tháng, website của Nhà trường...Tổ chức quán triệt các qui định hướng dẫn cho các bộ phận chức năng tham mưu.

+ Công tác tuyển dụng luôn được thực hiện theo đúng qui trình qui định của Nhà nước và qui chế được công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng: Báo, Truyền hình, website và bảng tin của Nhà trường.

+ Việc triển khai bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo các cấp luôn được Nhà trường thực hiện đúng và đầy đủ các bước theo qui định, trong đó quan tâm trẻ hóa mạnh mẽ đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý các cấp gắn liền với quy hoạch và kế hoạch bồi dưỡng đã công khai, tại thời điểm bổ nhiệm: đa số Trường BM dưới 35 tuổi; đa số phó Khoa/Phòng/Viện dưới 40 tuổi (có 3 người dưới 35 tuổi, có 3 nữ); đa số Trường Khoa/Phòng/Viện dưới 45 tuổi (có 2 người dưới 35 tuổi, có 4 nữ); 1 Phó Hiệu trưởng 40 tuổi.

- Tình hình ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật viên chức về công tác tuyển dụng, đào tạo, bổ nhiệm....:



+ Trong thời gian qua nhằm phục vụ tốt cho công tác tuyển dụng, đào tạo và bổ nhiệm, Nhà trường đã ban hành một số các văn bản như sau:

1. Quyết định 625/QĐ-ĐHNT ngày 25/5/2011 của Hiệu trưởng Trường ĐH Nha Trang về việc ban hành qui định về tuyển dụng, đào tạo bồi dưỡng CBVC;

2. Quyết định 698/QĐ-ĐHNT ngày 15/6/2011 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về qui định bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo các cấp;

3. Các Quy chế chi tiêu nội bộ được sửa đổi và ban hành theo QĐ số 487/QĐ-ĐHNT ngày 04/5/2010, QĐ số 590/QĐ-ĐHNT ngày 19/5/2011 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang;

+ Đánh giá chất lượng, hiệu lực, hiệu quả của việc thực hiện văn bản quy phạm đã ban hành: Các văn bản của Nhà trường ban hành luôn đảm bảo đúng theo tinh thần các qui định của Nhà nước đề ra, việc áp dụng luôn kịp thời nhằm hướng dẫn, qui định lại một cách cụ thể nhất các tiêu chí, các bước thực hiện. Việc áp dụng vào thực tiễn Nhà trường luôn mang lại hiệu quả thiết thực đảm bảo được tính công khai, minh bạch và đúng pháp luật.

- Tuy nhiên trong quá trình thực hiện vẫn gặp nhiều khó khăn lúng túng trong việc áp dụng các văn bản qui định của Nhà nước vào thực tế của Trường, như Nghị định 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Thủ tướng chính phủ có hiệu lực từ 01/6/2012 trong khi Thông tư hướng dẫn thi ban hành và có hiệu lực chậm hơn nhiều (Thông tư 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ ban hành có hiệu lực từ 15/02/2013).

**2. Kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về tuyển dụng, đào tạo, bổ nhiệm đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức**

### ***2.1. Tuyển dụng công chức, viên chức***

- Lãnh đạo nhà trường luôn gắn việc xây dựng phát triển đội ngũ cán bộ giảng viên với xây dựng tổ chức và đổi mới cơ chế, phương thức làm việc. Do vậy, hàng năm căn cứ vào Qui hoạch phát triển Nhà trường đã bổ sung đội ngũ giảng viên trẻ có trình độ đủ tiêu chuẩn để thay thế CBVC nghỉ hưu và đáp ứng kịp thời các nhiệm vụ về quản lý cũng như trong hoạt động chuyên môn theo kịp yêu cầu phát triển các ngành nghề đào tạo của Trường;

- Việc tuyển dụng viên chức và tạm tuyển trong những năm qua luôn được hoàn thiện nhằm đảm bảo tính dân chủ, công khai, đúng qui định, Nhà trường luôn chỉ đạo và phê duyệt chi tiêu các khoa, viện đi đôi với việc phân cấp cho các đơn vị chủ động cùng phòng chức năng tham mưu cho Đảng ủy, Giám hiệu xem xét tuyển chọn tạm tuyển về trường làm việc cũng như cử đi đào tạo bồi dưỡng theo qui hoạch, kế hoạch nhưng vẫn đảm bảo tuân thủ qui trình tuyển dụng. Bảo đảm những người được tuyển dụng đều đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn của ngạch cần tuyển.

- Với điều kiện đặc thù của Nhà trường là trường đại học đa ngành, nằm tại khu vực Nam trung bộ nên việc thu hút nhân lực có trình độ chuyên môn cao về trường gặp nhiều khó khăn, tuy nhiên không vì thế mà tiêu chuẩn tuyển dụng được xem nhẹ, Nhà trường đã xây dựng tiêu chuẩn sát với chủ trương chung của Bộ GD&ĐT và qui định của Luật Giáo dục đại học và Điều lệ trường đại học (như chỉ tuyển viên chức vào ngạch giảng viên có trình độ thạc sĩ trở lên...). Bên cạnh đó chính sách đãi ngộ, thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao đang được Nhà trường quan tâm (Qui chế chi tiêu nội bộ của Trường).

- Căn cứ vào Luật Giáo dục đại học, Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 và Nghị định 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Thủ tướng chính phủ, Trường Đại học Nha Trang đã ban hành một số văn bản để cụ thể hóa các nội dung qui định của Nghị định nhằm áp dụng vào hoàn cảnh thực tế của Trường, đúng qui định với thẩm quyền được phân cấp, cụ thể:

+ Qui định 314/ĐHNT ngày 30/5/2012 của Hiệu trưởng Trường ĐH Nha Trang về qui định công tác tập sự giảng dạy;

+ Quyết định 625/QĐ-ĐHNT ngày 25/5/2011 của Hiệu trưởng Trường ĐH Nha Trang về việc ban hành qui định về tuyển dụng, đào tạo bồi dưỡng CBVC;

+ Quyết định 698/QĐ-ĐHNT ngày 15/6/2011 của Hiệu trưởng Trường ĐH Nha Trang về qui định bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo các cấp;

- Kết quả tuyển dụng trong thời gian 3 năm vừa qua Nhà trường đã tuyển dụng được 81 viên chức trong đó:

+ 63 viên chức ngạch Giảng viên (15.111) và ngạch Kỹ sư (13.095) trong đó có 20 thạc sĩ và 03 tiến sĩ.

+ 18 viên chức hành chính ngạch Chuyên viên (01.003), Kế toán viên (06.031), Thư viện viên (17.170) có trình độ đại học.

## **2.2. Bầu cử, phê chuẩn cán bộ**

### **2.2.1. Ban chấp hành Đảng ủy Khóa XIX (nhiệm kỳ 2010-2015)**

- Tiêu chuẩn, cơ cấu:

+ Đủ tiêu chuẩn chính trị theo quy định của TW.

+ Có phong cách làm việc khoa học, dân chủ, sâu sát, nói đi đôi với làm, dám nghĩ dám làm và dám chịu trách nhiệm.

+ Sáng tạo, quyết liệt trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao. Có uy tín trong CBVC, có khả năng đoàn kết quy tụ mọi người.

+ Đủ năng lực đổi mới: phát hiện cái mới và tổ chức thực hiện hiệu quả.

+ Các khu vực công tác trọng yếu cần có ĐUV: Đào tạo, Khoa học, Tổ chức hành chính, Kế hoạch và tài chính, Công đoàn, Đoàn TN, các Khoa.

- + Đảm bảo có kế thừa nhưng cần đổi mới 1/3 đảng ủy viên đương nhiệm.
- + Đảm bảo cơ cấu độ tuổi theo quy định.
- Ban chấp hành Đảng ủy làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.
- Quy trình, thủ tục ứng cử, đề cử, bầu cử: Thực hiện đúng các quy định của Đảng. Tỉnh ủy Khánh Hòa phê chuẩn Ban chấp hành Đảng ủy Nhà trường.
- Kết quả: Ban chấp hành được bầu 19 đồng chí (4 nữ), Ban thường vụ 5 đồng chí (1 nữ), trong đó có 12 Tiến sĩ và 7 Thạc sĩ.

### **2.2.2. Ban chấp hành Công đoàn Trường nhiệm kỳ 2013-2015**

- Tiêu chuẩn, cơ cấu:
  - + Đủ tiêu chuẩn theo quy định của Công đoàn Giáo dục Việt Nam.
  - + Có phong cách làm việc khoa học, dân chủ, sâu sát, nói đi đôi với làm, dám nghĩ dám làm và dám chịu trách nhiệm.
  - + Có uy tín trong CBVC, có khả năng đoàn kết quy tụ mọi người.
  - + Đủ năng lực đổi mới: phát hiện cái mới và tổ chức thực hiện hiệu quả.
  - + Đảm bảo cơ cấu độ tuổi theo quy định.
- Ban chấp hành Công đoàn làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.
- Quy trình, thủ tục ứng cử, đề cử, bầu cử: Thực hiện đúng các quy định của Tổng Liên đoàn cũng như Quy định của Công đoàn Giáo dục Việt Nam. Thường vụ Công đoàn Giáo dục Việt Nam ra quyết định phê chuẩn Ban chấp hành.
- Kết quả: Ban chấp hành được bầu 15 đồng chí (4 nữ), trong đó có 6 Tiến sĩ, 6 Thạc sĩ và 3 cử nhân.

### **2.3. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ viên chức**

- Công tác đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ luôn được Nhà trường chú trọng quan tâm, đặc biệt luôn tạo điều kiện, đề ra các chủ trương, chính sách hỗ trợ cho giảng viên đi học tập nghiên cứu, tu nghiệp ở nước ngoài. Trong thời gian 3 năm qua nhà trường đã cử: 65 CBGD đi học Thạc sĩ (trong đó có 23 CBGD học Thạc sĩ tại nước ngoài), 41 CBGD đi làm NCS (trong đó có 19 CBGD đi làm NCS ở nước ngoài) và 4 CBGD đi nghiên cứu sau Tiến sĩ; Nhà trường cũng đã tiếp nhận trở về trường 30 tiến sĩ (trong đó có 22 tiến sĩ đào tạo ở nước ngoài) và 65 thạc sĩ (trong đó có 31 thạc sĩ đào tạo ở nước ngoài).
- Quy hoạch, kế hoạch, chính sách đào tạo, bồi dưỡng: Hàng năm Trường đều tiến hành công tác quy hoạch cán bộ các cấp nhằm bổ sung, điều chỉnh kế hoạch, tạo điều kiện cho lực lượng cán bộ trẻ có năng lực phát huy được chuyên môn nghiệp vụ của mình. Song song đó công tác bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động được thực hiện thường xuyên, cụ thể:

- + Triển khai công tác Quy hoạch để bồi dưỡng Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng và Phó HT cho nhiệm kỳ mới.

+ Xây dựng đề án công tác nhân sự cho Phân hiệu Kiên Giang tiến tới Đại học Kiên Giang, hàng năm tuyển chọn và bồi dưỡng lực lượng cán bộ, giảng viên cho Phân hiệu.

+ Cử 9 cán bộ nguồn đi học các lớp chính trị cao cấp hệ tập trung.

+ Tổ chức các khóa học bồi dưỡng tập trung về: Nghiệp vụ sư phạm căn bản cho 71 giảng viên tập sự và Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho 266 giảng viên trẻ, với các nội dung đào tạo như: Giáo dục đại học thế giới và Việt Nam, Tâm lý giáo dục học đại học, Lý luận và phương pháp dạy học đại học, Phát triển chương trình và tổ chức quá trình đào tạo, Đánh giá trong giáo dục đại học, Sử dụng phương tiện kỹ thuật và công nghệ trong dạy học đại học, Đạo đức nhà giáo, Quyền và nghĩa vụ của nhà giáo, Văn hóa công sở, kỹ năng giao tiếp, Chuyên đề Nghiên cứu Khoa học.

+ Hàng năm tổ chức lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng an ninh thuộc đối tượng 3, lớp kỹ năng lãnh đạo cho các chức danh lãnh đạo, quản lý.

- Việc định hướng và tạo điều kiện cho cán bộ giảng dạy đi học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ ở nước ngoài bước đầu đã thu được kết quả tốt, trong 3 năm vừa qua trường đã tiếp nhận 56 cán bộ giảng dạy đi học tập nghiên cứu ở nước ngoài trở về trường (trong đó có 3 Sau tiến sĩ, 22 Tiến sĩ, 31 Thạc sĩ). Và lực lượng giảng viên trẻ có trình độ cao, có năng lực thực sự luôn được Nhà trường quan tâm xem xét, bố trí, sắp xếp tạo điều kiện để phát huy năng lực.

#### **2.4. Về luân chuyển cán bộ:**

Với mong muốn luôn củng cố và kiện toàn lại tổ chức, nhân sự và cải tiến cơ chế hoạt động của các Phòng, Viện, Trung tâm theo hướng nâng cao vai trò chủ động của các đơn vị và góp phần nâng cao chất lượng các bậc đào tạo, việc luân chuyển cán bộ được Nhà trường thực hiện thường xuyên nhằm mục đích phát huy được sở trường, năng lực của cán bộ viên chức và người lao động.

#### **2.5. Bổ nhiệm cán bộ, viên chức (bổ nhiệm vào bậc, ngạch viên chức và bổ nhiệm cán bộ quản lý)**

##### **2.5.1- Về bổ nhiệm cán bộ quản lý:**

- Nhà trường đã ban hành Quyết định số 698/QĐ-ĐHNT ngày 15/6/2011 về quy định về việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo các cấp.

- Kết quả bổ nhiệm và bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo các cấp trong thời gian 3 năm vừa qua: 8 Trưởng phòng, 13 Trưởng khoa và Quyền trưởng khoa (trong đó có 03 nữ), 12 Phó Trưởng phòng (trong đó có 02 nữ), 03 Viện trưởng, 03 Phó Viện trưởng (trong đó có 01 nữ), 11 Phó trưởng khoa (trong đó có 02 nữ), 41 Trưởng bộ môn (trong đó có 15 nữ), 02 Phó Trưởng bộ môn.

##### **2.5.2. Về bổ nhiệm vào bậc, ngạch viên chức:**

-Trong 03 năm qua Nhà trường có: 24 Giảng viên được nâng ngạch Giảng viên chính, 109 Giảng viên tập sự và cán bộ hướng dẫn thực hành tập sự được bổ nhiệm vào ngạch Giảng viên và ngạch Kỹ sư, 16 viên chức hành chính tập sự được bổ nhiệm vào ngạch: Chuyên viên, Kế toán viên, Thư viện viên...

### **3. Nhận xét và kiến nghị**

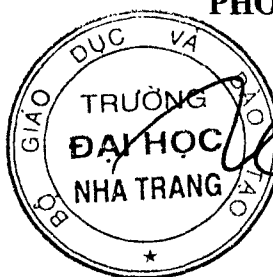
- Chấp hành đúng các quy định của Pháp luật về tuyển dụng, đào tạo, bổ nhiệm với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Những tồn tại, hạn chế: Trường xa các trung tâm kinh tế chính trị lớn của đất nước, chế độ tiền lương chưa tương xứng nên khó khăn trong việc thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao về phục vụ Nhà trường.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**Phan Thanh Liêm**

Trình độ chuyên môn						Trình độ lý luận chính trị				Thời gian tuyển dụng				Nghĩ chế độ chính sách				Ghi chú
Tiến sỹ	Thạc sỹ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Chưa đào tạo	Cử nhân	Cao cấp	Trung cấp	Chưa đào tạo	Đến 31/12/2009	2010	2011	2012	2009	2010	2011	2012	
(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)
76	258	245	17	33	16		6	262		612	632	638	645	9	8	16	9	



STT	Đơn vị	Tổng số	Cơ cấu giới tính, dân tộc			Độ tuổi				Ngạch viên chức (và tương đương)				
			Nam	Nữ	Dân tộc ít người	Đến 35	36-45	46-55	Trên 55	Cán sự trở xuống	Chuyên viên	CV chính	CV cao cấp	Chuyên gia
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	Trường Đại học Nha Trang	645	381	264	0	377	107	137	24	66	485	94	0	0

Số: 1.9.6.../BC-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày 31 tháng 3 năm 2014

## BÁO CÁO

### THÔNG KÊ SỐ LƯỢNG GIÁNG VIÊN THEO NGẠCH/CHỨC DANH

Thực hiện công văn số 1265/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 14/3/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc báo cáo số lượng giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cao cấp, giảng viên chính, giảng viên, Trường Đại học Nha Trang báo cáo Bộ số liệu thống kê như sau:

#### I. Chức danh/ngạch: Giảng viên (GV), mã ngạch: 15.111

Tổng số: 370

Trong đó, chia ra theo hệ số lương (HSL):

- Số lượng hưởng HSL < 3,66 (bao gồm các bậc 1,2,3,4): 325
- Số lượng hưởng HSL  $\geq$  3,66 (bao gồm các bậc 5,6,7,8,9): 42
- Số lượng hưởng phụ cấp vượt khung: 03

#### II. Chức danh/ngạch: Phó Giáo sư-Giảng viên chính (PGS-GVC), mã ngạch: 15.110

Tổng số: 82

##### 1. Phó Giáo sư: 08

Trong đó, chia ra theo hệ số lương (HSL):

- Số lượng hưởng HSL < 5,76 (bao gồm các bậc 1,2,3,4): 01
- Số lượng hưởng HSL  $\geq$  5,76 (bao gồm các bậc 5,6,7,8): 06
- Số lượng hưởng phụ cấp vượt khung: 01

##### 2. GVC không có chức danh PGS (GV thi nâng ngạch và được bổ nhiệm ngạch GVC): 74

Trong đó, chia ra theo hệ số lương (HSL):

- Số lượng hưởng HSL < 5,76 (bao gồm các bậc 1,2,3,4): 56
- Số lượng hưởng HSL  $\geq$  5,76 (bao gồm các bậc 5,6,7,8): 18
- Số lượng hưởng phụ cấp vượt khung: 0

#### III. Chức danh/ngạch: Giáo sư-Giảng viên cao cấp (GS-GVCC), mã ngạch: 15.109

Tổng số: 0

Nơi nhận:

- Cục NG&CBQLCSGD,  
Bộ GD&ĐT
- Lưu: VT, TCHC.

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Phan Thanh Liêm